



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

7

Tháng 4 - 2013

Khai mạc Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2013

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2013



Thủ tướng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Triển lãm



Lễ cắt băng khai mạc Triển lãm

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BỐN

7

SỐ 7 - 4/2013

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 26/2013/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Xây dựng 5
- Quyết định số 499/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 6
- Quyết định số 284/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Chương trình hành động về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ Xây dựng 9
- Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 10

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 93/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2013 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ 12
- Quyết định số 1553/QĐ-UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu trên địa bàn Thành phố 14



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài: “Hướng dẫn thiết kế quy hoạch xây dựng khu công nghiệp” 17
- Hội thảo quốc tế: “Môi trường xây dựng bền vững cho hiện tại và tương lai” 18
- Hội thảo: “Giải pháp nào để ngành Vật liệu Xây dựng vượt qua cơn bão khủng hoảng?” 20
- Hội nghị Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu cấp nước đô thị Việt Nam 22
- Kinh nghiệm quản lý chất lượng không khí của Hàn Quốc 23
- Ảnh hưởng của các giải pháp năng lượng thay thế đối với kiến trúc nhà cao tầng 26

Thông tin

- Khai mạc Triển lãm Quốc tế Vietbuild Hà Nội 2013 30
- Hội thảo "Xe buýt nhanh (BRT) - những thách thức và lợi thế áp dụng cho các thành phố lớn tại Việt Nam" 30
- Lễ trao giải cuộc thi "Kiến trúc hiệu quả năng lượng" lần thứ Nhất 32
- Chính sách phát triển và đặc điểm của chế độ phân phối nhà ở của các nước phát triển 33
- Những vấn đề trong quản lý hiệu quả môi trường nông thôn mới ở Trung Quốc 36
- Trung Quốc: 35 thành phố công bố mục tiêu kiểm soát giá nhà ở, tỷ lệ gia tăng dự kiến không vượt quá 10% 38
- “Căn bệnh” của các thành phố lớn ở Trung Quốc 41
- Triển vọng của thị trường nhà cho thuê tại Nga 42
- Cách tiếp cận tổng hợp về an toàn là cơ sở về khoa học và phương pháp luận cho việc chuẩn hóa công tác thiết kế trong xây dựng 44



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Nghị định số 26/2013/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành Xây dựng

Ngày 29/3/2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 26/2013/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của các cơ quan thanh tra nhà nước ngành Xây dựng, thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra ngành Xây dựng; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thanh tra ngành Xây dựng.

Theo Nghị định này, đối với nội dung thanh tra hành chính, Thanh tra Bộ Xây dựng, Thanh tra Sở Xây dựng thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Nội dung thanh tra chuyên ngành xây dựng bao gồm: Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch, kiến trúc; thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng; thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phát triển đô thị; thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật; thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phát triển, quản lý, sử dụng nhà ở, kinh doanh bất động sản, quản lý, sử dụng công sở trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh vật liệu xây dựng có điều kiện theo quy định của pháp luật; thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng theo thẩm quyền; thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật khác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành Xây dựng.

Cụ thể, thanh tra việc thực hiện các quy định

pháp luật về quy hoạch, kiến trúc là thanh tra về công tác lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch xây dựng (quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, các cửa khẩu biên giới quốc tế); về công tác quản lý quy hoạch xây dựng (công bố công khai quy hoạch xây dựng, cắm mốc chỉ giới xây dựng và các mốc giới quy định khác ngoài thực địa, cấp giấy phép quy hoạch, cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng, thực hiện xây dựng theo quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt); việc quản lý, sử dụng vốn cho công tác quy hoạch xây dựng theo thẩm quyền; điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia thiết kế quy hoạch xây dựng, điều kiện hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư quy hoạch đô thị, việc đào tạo, cấp và quản lý chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, chứng chỉ hành nghề kỹ sư quy hoạch đô thị.

Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng là thanh tra việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; việc lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán công trình xây dựng; việc áp dụng quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng đối với công trình xây dựng, việc áp dụng tiêu chuẩn xây dựng của nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam; việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng; việc lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây

dụng theo quy định của Luật Xây dựng và pháp luật về đấu thầu; việc cấp, thu hồi giấy phép thầu đối với các nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam; việc thuê tư vấn nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam; việc ký kết, thực hiện hợp đồng trong hoạt động xây dựng; việc lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; việc quản lý chất lượng công trình xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo trì công trình, thanh toán, quyết toán công trình theo thẩm quyền; việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cấp và quản lý các loại chứng nhận, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật; việc thành lập, hoạt động của các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phát triển đô thị bao gồm việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; việc tuân thủ quy định pháp luật trong việc nâng cấp đô thị; việc đầu tư xây dựng các khu đô thị.

Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật bao gồm cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn thông thường; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; nghĩa trang, công trình ngầm đô thị, các công trình hạ tầng kỹ thuật khác trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Nghị định này quy định cuộc thanh tra chuyên ngành, cuộc thanh tra hành chính do Thanh tra Bộ Xây dựng tiến hành không quá 45 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày. Cuộc thanh tra chuyên ngành, cuộc thanh tra hành chính do Thanh tra Sở Xây dựng tiến hành không quá 30 ngày, trường hợp phức tạp hoặc do điều kiện đi lại khó khăn tại các địa bàn miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa thì có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày.

Hoạt động thanh tra của Thanh tra Bộ Xây dựng, Thanh tra Sở Xây dựng thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra, Nghị định số 86/2011/NĐ-CP, Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành. Hoạt động thanh tra của thanh tra viên tiến hành thanh tra độc lập thực hiện theo quy định của Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2013, chấm dứt việc thực hiện Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm thành lập Thanh tra xây dựng quận, huyện và Thanh tra xây dựng xã, phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 499/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 21/3/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 499/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với quan điểm: Phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030,

tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch cấp nước 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2030, Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Hướng tới phát triển ổn định,

bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu các nguồn lực, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch với chất lượng bảo đảm, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của Thủ đô; Bảo đảm khai thác sử dụng nguồn nước hợp lý, tiết kiệm có xem xét đến các ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, ưu tiên nước mặt và dần thay thế nguồn nước ngầm; Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư và phát triển cấp nước.

Mục tiêu của Quy hoạch là: Cụ thể hóa định hướng phát triển cấp nước Thủ đô Hà Nội trong Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Xác định nhu cầu sử dụng nước sạch, phương án cấp nước, phát triển hệ thống cấp nước và nhu cầu đầu tư trong từng giai đoạn, khai thác hợp lý các nguồn nước; Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, đảm bảo an toàn cấp nước, từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý, sản xuất và kinh doanh nước sạch; Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch đến năm 2020 đối với đô thị trung tâm nội đô đạt 100% (một số khu vực phát triển mới thành lập từ huyện tỉ lệ đạt 95 - 100%), đối với các đô thị vệ tinh đạt 90 - 95%, đối với đô thị sinh thái đạt 85 - 90%; giai đoạn đến năm 2030, đối với các đô thị trung tâm là 100%, đối với các đô thị vệ tinh đạt 100% và đối với các đô thị sinh thái đạt 95 - 100%; Giảm tỉ lệ thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2020 đạt 22 - 27%, đến năm 2030 đạt dưới 20%.

Dự báo nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt năm 2020 là 738.000 m³/ngày đêm (tối đa là 908.000 m³/ngày đêm), đến năm 2030 là 1.126.000 m³/ngày đêm (tối đa là 1.393.000 m³/ngày đêm), đến năm 2050 là 1.533.000 m³/ngày đêm (tối đa là 1.897.000 m³/ngày đêm); nhu cầu sử dụng nước công nghiệp tối đa năm 2020 là 82.000 m³/ngày đêm, đến năm 2030 là 129.000 m³/ngày đêm, đến năm 2050 là 129.000 m³/ngày đêm; nhu cầu sử dụng

nước các loại hình dịch vụ khác đến năm 2020 là 223.000 m³/ngày đêm (tối đa là 272.000 m³/ngày đêm), đến năm 2030 là 349.000 m³/ngày đêm (tối đa là 427.000 m³/ngày đêm), đến năm 2050 là 495.000 m³/ngày đêm (tối đa là 606.000 m³/ngày đêm). Dự báo nước thất thoát năm 2020 đạt 224.000 m³/ngày đêm (tối đa là 298.000 m³/ngày đêm), đến năm 2030 đạt 335.000 m³/ngày đêm (tối đa 410.000 m³/ngày đêm), đến năm 2050 đạt 419.000 m³/ngày đêm (tối đa là 513.000 m³/ngày đêm).

Theo Quy hoạch, phạm vi cấp nước của Nhà máy nước mặt Sông Đà bao gồm khu vực đô thị vệ tinh phía Tây Hà Nội, đô thị sinh thái, dọc theo trục đường Láng - Hòa Lạc, đô thị trung tâm phía Tây Nam Hà Nội; phạm vi cấp nước của Nhà máy nước mặt Sông Hồng bao gồm khu vực đô thị trung tâm Hà Nội, một phần đô thị phía Tây Hà Nội, một phần khu vực đô thị phía Bắc Hà Nội và khu vực nông thôn liền kề; phạm vi cấp nước của Nhà máy nước mặt Sông Đuống bao gồm khu vực đô thị trung tâm phía Đông Bắc Hà Nội, khu vực Nam Hà Nội, đô thị vệ tinh Phú Xuyên và nông thôn liền kề, cùng một số khu vực của tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên.

Nguồn nước mặt sông Đà khai thác với lưu lượng 600.000 m³/ngày đêm giai đoạn đến năm 2020, 1.200.000 m³/ngày đêm giai đoạn đến năm 2030 và 1.500.000 m³/ngày đêm tầm nhìn đến năm 2050; sông Hồng khai thác với lưu lượng 300.000 m³/ngày đêm giai đoạn đến năm 2020, 450.000 m³/ngày đêm giai đoạn đến năm 2030 và 600.000 m³/ngày đêm tầm nhìn đến năm 2050; sông Đuống khai thác với lưu lượng 300.000 m³/ngày đêm (cấp cho Hà Nội 240.000 m³/ngày đêm) giai đoạn đến năm 2020, 600.000 m³/ngày đêm (cấp cho Hà Nội 475.000 m³/ngày đêm) giai đoạn đến năm 2030 và 900.000 m³/ngày đêm (cấp cho Hà Nội 650.000 m³/ngày đêm) tầm nhìn đến năm 2050.

Nguồn nước ngầm giai đoạn đến năm 2020, khai thác 623.500 m³/ngày đêm, trong đó khu trung tâm Hà Nội khai thác 409.500 m³/ngày

đêm, khu vực phía Nam sông Hồng 36.000 m³/ngày đêm, khu vực Sơn Tây 30.000 m³/ngày đêm, khu vực phía Bắc Hà Nội 72.000 m³/ngày đêm, khu vực phía Đông Hà Nội 76.000 m³/ngày đêm; giai đoạn đến năm 2030, khai thác 613.000 m³/ngày đêm, trong đó khu trung tâm Hà Nội khai thác 395.000 m³/ngày đêm, khu vực phía Nam sông Hồng 36.000 m³/ngày đêm, khu vực Sơn Tây 30.000 m³/ngày đêm, khu vực phía Bắc Hà Nội 72.000 m³/ngày đêm, khu vực phía Đông Hà Nội 80.000 m³/ngày đêm; giai đoạn đến năm 2050 khai thác 578.000 m³/ngày đêm, trong đó khu trung tâm Hà Nội khai thác 360.000 m³/ngày đêm, khu vực phía Nam sông Hồng 36.000 m³/ngày đêm, khu vực Sơn Tây 30.000 m³/ngày đêm, khu vực phía Bắc Hà Nội 72.000 m³/ngày đêm, khu vực phía Đông Hà Nội 80.000 m³/ngày đêm. Một số nguồn nước ngầm phía Nam Hà Nội có chất lượng xấu sẽ giảm dần công suất khai thác và ngừng hoạt động vào năm 2020 đối với Nhà máy nước Hạ Đình và năm 2030 đối với Nhà máy nước Tương Mai, Nhà máy nước Pháp Vân. Thay thế nguồn nước ngầm này là nguồn nước mặt lấy từ Nhà máy nước mặt Sông Đà và Nhà máy nước mặt Sông Đuống.

Về công nghệ xử lý nước, các nhà máy nước xây dựng mới cần lựa chọn công nghệ và thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng, đảm bảo môi trường. Đối với nguồn nước ngầm, cần áp dụng công nghệ truyền thống làm thoáng - xử lý sơ bộ - lọc nhanh - khử trùng. Đối với nguồn nước mặt, cần áp dụng công nghệ sơ lắng - trộn - phản ứng keo tụ - lắng - lọc nhanh - khử trùng.

Theo Quy hoạch, giai đoạn đến năm 2020, xây dựng mạng đường ống truyền tải và đường ống cấp I có đường kính lớn hơn hoặc bằng 1.000 mm khoảng 156,9 km. Xây dựng mạng đường ống truyền tải và đường ống cấp I có đường kính nhỏ hơn 1.000 mm cho giai đoạn đến năm 2020 khoảng 686,5 km, giai đoạn năm 2030 khoảng 124,9 km. Dự kiến xây dựng

tại các đô thị 6.250 km đường ống phân phối (cấp II) và dịch vụ (cấp III) giai đoạn đến năm 2020 và 3.602 km giai đoạn đến năm 2030; Xây dựng mới 09 trạm bơm tăng áp, 01 trạm điều tiết lưu lượng.

Trong khai thác và sử dụng nguồn nước mặt, cần nghiên cứu và đánh giá tác động tiêu cực đến dòng chảy và chế độ thủy văn, xây dựng quy trình kiểm soát, theo dõi chất lượng, trữ lượng nguồn nước và kế hoạch ứng phó nhằm đảm bảo an toàn cấp nước; kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm trong lưu vực sông như nước thải, chất thải từ các đô thị, khu công nghiệp và từ sản xuất nông nghiệp. Trong khai thác và sử dụng nguồn nước ngầm, cần đánh giá và thăm dò tỉ mỉ về chất lượng, trữ lượng nước ngầm trên địa bàn, xây dựng kế hoạch khai thác và bảo vệ nước ngầm; nghiên cứu, đánh giá và kiểm soát chặt chẽ độ hạ thấp mực nước ngầm, chất lượng nước ngầm và mức độ sụt lún mặt đất liên quan đến khai thác nước ngầm trên địa bàn.

Trong giai đoạn xây dựng, cần xây dựng biện pháp thi công hợp lý, các giải pháp hạn chế thấp nhất các tác động đến môi trường, các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường không khí, chất thải, tiếng ồn đối với các phương tiện vận chuyển, thi công cơ giới trên công trường và dọc tuyến đường vận chuyển, các biện pháp phòng chống sự cố trong quá trình xây dựng. Trong giai đoạn quản lý vận hành, cần nâng cao năng lực quản lý và vận hành nhà máy nước của các đơn vị cấp nước, đảm bảo môi trường vệ sinh công nghiệp, vệ sinh ngoại cảnh các nhà máy nước, nước sử dụng trong quá trình xử lý cần được nghiên cứu thu hồi, tái sử dụng và bùn cặn thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 284/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành Chương trình hành động về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ Xây dựng

Ngày 20/3/2013, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 284/QĐ-BXD ban hành Chương trình hành động về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Bộ Xây dựng với mục tiêu: Khắc phục tình trạng lãng phí diễn ra trong các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp thuộc Bộ, thực hiện việc sử dụng tiết kiệm nhất các nguồn lực hiện có nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư xây dựng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các cán bộ, công nhân viên chức trong ngành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; định hướng cho các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp thuộc ngành Xây dựng về chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm trong lĩnh vực và phạm vi quản lý.

Nội dung của Chương trình hành động bao gồm: Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo theo đúng dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chế độ quy định, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí, tiết kiệm trong chi tiêu hành chính, đảm bảo chi tiêu đúng tiêu chuẩn, đúng định mức, đúng mục đích, đồng thời chống thất thu và tận dụng khai thác các nguồn thu trong đơn vị như thu dịch vụ, thu hoạt động sản xuất kinh doanh, thu phí, lệ phí; Tăng cường hình thức hợp trực tuyến trong việc chỉ đạo, điều hành và xử lý các công việc liên quan, hạn chế tối đa việc tổ chức họp tập trung để tiết kiệm chi phí tổ chức họp, đi lại, ăn ở của các đại biểu (trừ các cuộc họp quan trọng do Chính phủ chỉ đạo); Rà soát kỹ các chương trình kiểm tra, thanh tra, các đoàn đi công tác bảo đảm gọn nhẹ, tiết kiệm, hiệu quả, nghiêm cấm việc tổ chức đón tiếp gây tốn kém chi phí đối với cấp

dưới và các tổ chức, cá nhân liên quan; Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về thực hành tiết kiệm trong đi công tác nước ngoài tại công văn số 8743/VPCP-QHQT ngày 01/11/2012 của Văn phòng Chính phủ; Thực hiện tốt Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ, kiểm soát chặt chẽ chi đầu tư xây dựng cơ bản (Việc triển khai bố trí vốn của các dự án phải thực hiện đúng quy định của cơ quan có thẩm quyền; rà soát các danh mục đầu tư theo thứ tự ưu tiên, đầu tư vốn tập trung, đảm bảo công trình đưa vào sử dụng theo đúng tiến độ; công khai minh bạch trong đấu thầu để lựa chọn nhà thầu có năng lực, giá trúng thầu phải đảm bảo cạnh tranh, đảm bảo tiết kiệm vốn đầu tư; tăng cường kiểm tra giám sát tiến độ giải ngân, điều chuyển vốn giữa các dự án, công trình phù hợp với khả năng hoàn thành dự án; thực hiện việc kiểm tra, giám sát chất lượng công trình thường xuyên, tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân vốn đầu tư đã bố trí cho các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp trong năm 2013); Thực hiện đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy sản xuất, tích cực tham gia vào việc bình ổn thị trường vật liệu xây dựng, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu như xi măng, sắt, thép xây dựng..., kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, đổi mới quản trị doanh nghiệp, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, tiết kiệm năng lượng để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tiếp tục thực hiện cổ phần hóa theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Thực hiện ngay việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến các quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để

có kế hoạch bổ sung, sửa đổi, ban hành mới theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, loại bỏ các nội dung quy định không phù hợp với yêu cầu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, các quy định thiếu chặt chẽ, dễ gây sơ hở, lợi dụng, lãng phí tiền, tài sản, lao động, thời gian lao động và tài nguyên thiên nhiên; Quản lý dự toán thu chi ngân sách hàng năm (thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ngân sách nhà nước trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước, tăng cường công tác kiểm soát chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán và định mức, tiêu chuẩn, chế độ quy định, thực hiện công khai tài chính hàng năm theo quy định; trong quản lý kinh phí khoa học, sự nghiệp kinh tế, chương trình mục tiêu, cần rà soát các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sự nghiệp kinh tế, tập trung bố trí kinh phí ngân sách nhà nước cho những nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sự nghiệp kinh tế trọng điểm cần ưu tiên đã được cấp có thẩm quyền tuyển chọn và phê duyệt, không bố trí kinh phí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, sự nghiệp kinh tế chưa đủ thủ tục, thực hiện đình chỉ và chuyển kinh phí của các đề tài, dự án triển khai không đúng tiến độ, không có hiệu quả cho các đề tài, dự án khác có hiệu quả, cần đẩy nhanh tiến độ, thu hồi kinh phí sử dụng không đúng mục đích, sai chế độ quy định; phân bổ và theo dõi thực hiện kinh phí chương trình mục tiêu đúng chương trình Bộ đã

duyet); Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm quy định về thực hành chống tiết kiệm, chống lãng phí được phát hiện.

Theo Quyết định này, các Tổng công ty, Công ty nhà nước căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan thực hiện sửa đổi, bổ sung ban hành quy chế quản lý tài chính phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, định mức chi phí tài chính và các định mức khác phù hợp với đặc điểm ngành nghề kinh doanh, mô hình tổ chức quản lý, trình độ trang thiết bị của từng đơn vị; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong việc tổ chức các hội nghị, hội thảo, mít tinh, kỉ niệm, khởi công, động thổ, đón nhận các danh hiệu thi đua và đi công tác học tập ở trong và ngoài nước; thực hiện tiết kiệm chống lãng phí trong đầu tư xây dựng; tăng cường hoạt động giám sát đối với các Tổng công ty, Công ty nhà nước trong việc quản lý và sử dụng các nguồn lực được Nhà nước giao, trong việc thực hiện trách nhiệm đại diện chủ sở hữu nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020

Ngày 27/3/2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư số 02/2013/TT-BKHĐT hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai

đoạn 2011 - 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm: Xây dựng chương trình/kế hoạch hành động phát triển bền vững;

Lồng ghép các nội dung phát triển bền vững trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển ngành/lĩnh vực; Tổ chức thực hiện phát triển bền vững; Kinh phí thực hiện; Giám sát, đánh giá, báo cáo.

Nội dung xây dựng chương trình/kế hoạch hành động phát triển bền vững được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ, hài hòa 3 trụ cột của phát triển bền vững là kinh tế, xã hội và môi trường, và được xây dựng cho từng thời kỳ 2011 - 2015 và 2016 - 2020; phải được xây dựng trên cơ sở Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch hành động Quốc gia về Phát triển bền vững cho từng thời kỳ; quá trình xây dựng có sự phối hợp, tham gia, tham vấn của các Bộ, sở, ban, ngành liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các nhà khoa học, đại diện cộng đồng doanh nghiệp và dân cư. Chương trình /kế hoạch hành động của Bộ, ngành, địa phương bao gồm các nội dung: Xác định mục tiêu của chương trình/kế hoạch hành động; xác định các chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững ngành/lĩnh vực và địa phương; xác định các nội dung/nhiệm vụ chủ yếu của ngành/lĩnh vực và địa phương cần thực hiện nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng ưu tiên của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và lồng ghép các nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 trong quá trình hoạch định chính sách, xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển của Bộ, ngành, địa phương; xác định các giải pháp, phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình/kế hoạch hành động; đề xuất các đề án, dự án cụ thể để triển khai thực hiện các nội dung của chương trình/kế hoạch hành động. Chương trình/kế hoạch hành động của tổ chức, đoàn thể bao gồm các nội dung: Xác định mục tiêu của chương trình/kế hoạch hành động; xác định các nội dung/nhiệm vụ chủ yếu liên quan đến chức

năng, nhiệm vụ và hoạt động của tổ chức, đoàn thể cần thực hiện để cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng ưu tiên của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020; xác định các giải pháp, phương thức tổ chức thực hiện và cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình/kế hoạch hành động; đề xuất các dự án cụ thể (nếu có) để triển khai thực hiện các nội dung của chương trình/kế hoạch hành động.

Theo hướng dẫn của Thông tư này, việc lồng ghép các nội dung phát triển bền vững trong chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển ngành/lĩnh vực được thực hiện theo nguyên tắc: Đối với những chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển ngành/lĩnh vực xây dựng mới, quan điểm, mục tiêu phát triển bền vững phải được chú trọng, xem xét, cần nhắc ngay từ khi hình thành ý tưởng, định hướng phát triển và quán triệt xuyên suốt trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển ngành/lĩnh vực. Đối với những chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và phát triển ngành/lĩnh vực đã ban hành, trong quá trình triển khai thực hiện, cần rà soát, đánh giá tính bền vững của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để đề xuất những điều chỉnh, bổ sung cần thiết. Về yêu cầu lồng ghép đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch xây dựng mới, cần nghiên cứu các nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 để xác định các quan điểm, mục tiêu, nội dung của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đang xây dựng nhằm đảm bảo xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo định hướng phát triển bền vững; lựa chọn các chỉ tiêu phát triển bền vững quốc gia đã được ban hành để đưa vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đang xây dựng. Đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,

các chỉ tiêu phát triển bền vững quốc gia đã được ban hành phải được đưa vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội - môi trường của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành/lĩnh vực, phải lựa chọn các chỉ tiêu phát triển bền vững quốc gia đã được ban hành phù hợp với ngành/lĩnh vực để đưa vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành/lĩnh vực.

Đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được ban hành, trong quá trình rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt, ban hành để đề xuất điều chỉnh, cần tiến hành rà

soát, đánh giá tính bền vững của các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; cần nghiên cứu các nội dung của Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 để điều chỉnh các quan điểm, mục tiêu, nội dung của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch nhằm đảm bảo phát triển bền vững; bổ sung các chỉ tiêu phát triển bền vững phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2013.

(Xem toàn văn tại www.mpi.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 93/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2013 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ

Ngày 02/4/2013, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 93/QĐ-UBND ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2013 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu với yêu cầu Chương trình hành động xác định và phân công rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian hoàn thành các nội dung cụ thể của Nghị quyết.

Nội dung Chương trình bao gồm: Kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; Tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh; Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đột phá và xây dựng nông thôn mới;

Đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân; Phát triển giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân; Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phòng chống tham nhũng lãng phí, đảm bảo trật tự an toàn xã hội và xây dựng đời sống văn hóa; Đảm bảo an ninh quốc phòng và ổn định chính trị xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại; Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội.

Cụ thể, để kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, cần thực hiện có hiệu quả chỉ đạo của Trung ương về chính sách tiền tệ,

chủ động theo dõi tình hình kinh tế - xã hội và hoạt động ngân hàng trên địa bàn tỉnh để báo cáo và đề xuất biện pháp quản lý mạng lưới tín dụng tại địa phương, đảm bảo điều hành lãi suất và tín dụng phù hợp với quy định, chặt chẽ và linh hoạt, thực hiện tốt mục tiêu kiểm soát lạm phát và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận nguồn vốn để duy trì, mở rộng sản xuất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi ngân sách Nhà nước theo kế hoạch đã được duyệt, thực hiện có hiệu quả các giải pháp về ngân sách nhà nước, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu, chi theo dự toán được giao, tiếp tục rà soát các loại phí, lệ phí để trình HĐND tỉnh quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế kinh tế - xã hội của tỉnh, tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và cơ chế tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính của các đơn vị sự nghiệp công, phát huy hiệu quả kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức Đoàn thể, của thanh tra nhân dân trong từng cơ quan, đơn vị, sơ kết, đánh giá các giải pháp đã thực hiện để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; đẩy mạnh phát triển thương mại, tăng cường thu hút đầu tư, triển khai thực hiện kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2012 - 2015, định hướng 2020, đẩy mạnh xuất khẩu, chú trọng xuất khẩu các mặt hàng tạo ra giá trị gia tăng cao, kiểm soát chặt chẽ hàng nhập khẩu, nhất là đối với nhóm các mặt hàng không thiết yếu, các mặt hàng trong nước đã sản xuất được, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nhất là cải cách thủ tục hải quan, thuế, xuất nhập cảnh đảm bảo thuận tiện, dễ dàng cho các hoạt động xuất nhập khẩu qua địa bàn, đề xuất các giải pháp ổn định và tăng giá trị một số mặt hàng xuất khẩu của địa phương, có kế hoạch phối hợp với các tỉnh trong vùng Duyên

hải miền Trung để liên kết thực hiện xúc tiến đầu tư, tranh thủ sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các tỉnh để khắc phục các hạn chế, đồng thời phát huy các tiềm năng, lợi thế của từng tỉnh và của cả vùng, phục vụ thúc đẩy phát triển kinh tế; tăng cường kiểm soát giá cả, thị trường, nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, dự báo, phân tích tình hình diễn biến giá cả thị trường, có giải pháp cân đối cung cầu hàng hóa để thực hiện tốt việc bình ổn giá, nhất là đối với những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, không để xảy ra thiếu hàng, sốt giá, triển khai các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện bình ổn giá đối với các mặt hàng thiết yếu, phát triển hệ thống phân phối hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, giảm chi phí trung gian; nâng cao chất lượng công tác thống kê, dự báo thị trường.

Để tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, cần hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn, xử lý hiệu quả nợ xấu, tập trung hỗ trợ thị trường, giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp trong sản xuất, có giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn xúc tiến bán hàng tại các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới cả trong và ngoài nước, trong đó cần chú trọng các thị trường có nhiều tiềm năng nhưng lượng tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm sản xuất tại tỉnh còn thấp, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản trên địa bàn, thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch, quy mô các dự án bất động sản, hướng dẫn, hỗ trợ các nhà đầu tư bất động sản điều chỉnh quy mô căn hộ cho phù hợp với nhu cầu và khả năng thanh toán của thị trường, rà soát tất cả các dự án bất động sản để phân loại các dự án được tiếp tục thực hiện, các dự án cần tạm dừng, các dự án cần điều chỉnh cơ cấu, loại hình nhà ở, khuyến khích chuyển đổi sang phát triển nhà ở xã hội, hướng đến đối tượng là khách hàng có thu nhập thấp, rà soát và điều chỉnh lại giá khởi điểm các dự án khai thác quỹ đất của Trung tâm khai thác quỹ đất của tỉnh và các địa phương cho phù hợp, tạo

tính thanh khoản cao cho thị trường bất động sản tại địa phương; tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, chủ động tháo gỡ khó khăn vướng mắc về thủ tục hành chính, cơ chế chính sách, đất đai, giải phóng mặt bằng, chú trọng cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, tạo mọi điều kiện để hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần tăng cường thu hút đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Về nội dung đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ đột phá và xây dựng nông thôn mới, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 18 về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 cho phù hợp với tình hình thực tế, tiếp tục huy động các nguồn lực để thực hiện ba nhiệm vụ đột phá là

phát triển công nghiệp, phát triển đô thị và phát triển nguồn nhân lực; đổi mới cơ cấu và nâng cao hiệu quả đầu tư công, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, tập trung vốn cho các công trình dự án chuyển tiếp và cấp bách, sớm hoàn thành và đưa vào sử dụng để phát huy hiệu quả, kiểm soát chặt chẽ các dự án, công trình khởi công mới, xác định rõ nguồn vốn đảm bảo hiệu quả đầu tư, tập trung đôn đốc, giải quyết các vướng mắc, khó khăn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân các công trình dự án trong kế hoạch năm 2013 và giai đoạn 2011 - 2015, đặc biệt là các công trình trọng điểm của tỉnh, ưu tiên tập trung bố trí vốn phục vụ đầu tư xây dựng tại các địa phương được chọn thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.quangngai.gov.vn)

Quyết định số 1553/QĐ-UBND của UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu trên địa bàn Thành phố

Ngày 01/4/2013, UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1553/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu trên địa bàn Thành phố, cụ thể như sau:

Giải quyết hàng tồn kho, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tạo đầu ra cho sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp bằng cách

nâng cao hiệu quả công tác phân tích, dự báo, theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các yếu tố ảnh hưởng giá hàng hóa, đặc biệt trong các dịp lễ, tết để kịp thời điều tiết cung - cầu và bình ổn thị trường, nhất là những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và đời sống, không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, sốt giá, đảm bảo cung ứng hàng hóa thiết yếu cho nhân dân vùng ngoại thành, vùng xa trung tâm thành phố; xây dựng giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp xúc tiến bán hàng sản xuất trong nước trên thị trường nội địa, đưa hàng Việt về nông thôn, khuyến khích doanh nghiệp liên kết tiêu

thụ sản phẩm sản xuất trong nước, tiếp tục nghiên cứu những chính sách khuyến khích hơn nữa việc đầu tư sản xuất hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa thay thế hàng nhập khẩu; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn để đầu tư phát triển hạ tầng, đảm bảo đúng mục đích, căn cứ kế hoạch vốn xây dựng cơ bản năm 2013, phân bổ ngay vốn đầu tư và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án ngay từ đầu năm kế hoạch, tập trung vào những dự án tạo sức lan tỏa lớn, những dự án thuộc chương trình nông thôn mới, nhà ở xã hội, ký túc xá học sinh, sinh viên; tập trung rà soát, phân loại, sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư trình UBND Thành phố xem xét bố trí kế hoạch đầu tư xây dựng các đợt trong năm 2013 từ nguồn ngân sách nhà nước của Thành phố, trong đó ưu tiên các công trình, dự án cấp bách và các công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2013, đề xuất điều chỉnh giảm vốn, đình hoãn hoặc giãn tiến độ các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố kém hiệu quả và chưa thực sự cần thiết; đôn đốc các đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trong kế hoạch năm 2013, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch của các chủ đầu tư, khắc phục tình trạng chậm trễ trong việc hoàn thiện các thủ tục đầu tư, đấu thầu và trong khâu nghiệm thu, thanh toán vốn, tổ chức giám sát để phát hiện và xử lý kịp thời các hiện tượng tiêu cực trong quản lý đầu tư xây dựng, trong đấu thầu, chỉ định thầu, chống thất thoát vốn đầu tư xây dựng cơ bản, đổi mới công tác thu hút đầu tư và quản lý vốn đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó ưu tiên thu hút làn sóng đầu tư mới, các dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, khoáng sản, đất đai, tạo điều kiện và tăng cường liên kết các doanh nghiệp trong nước, phối hợp cùng các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với các công trình, dự án trọng điểm của thành phố, xem xét bố trí vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư để nghiên cứu lập dự

án, kêu gọi các nhà đầu tư, tài trợ cho các công trình, dự án xây dựng kết cấu hạ tầng trọng điểm trên địa bàn Thành phố, tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống tàu điện ngầm nội đô và hệ thống đường sắt đô thị, xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng các cầu vượt kết cấu bằng thép, cải thiện cơ sở hạ tầng vận tải hành khách công cộng.

Về tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đô thị, phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản theo hướng tăng cường quản lý nhà nước, kiểm soát công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, kế hoạch phát triển nhà ở, giá bất động sản bảo đảm cân đối cung cầu, phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, nhu cầu thị trường, nghiên cứu tham mưu cơ chế khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội, chính sách tín dụng, ưu đãi để người thu nhập thấp, cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, công nhân, người lao động có thể mua, thuê và thuê mua nhà để ở phù hợp với thu nhập chính đáng; rà soát các dự án phát triển nhà ở, khu dân cư để phân loại các dự án được tiếp tục thực hiện, các dự án cần tạm dừng, các dự án cần điều chỉnh cơ cấu, loại hình nhà ở, chuyển đổi sang phát triển nhà ở xã hội phù hợp nhu cầu của thị trường và nguồn lực xã hội; hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp bất động sản chủ động điều chỉnh hoạt động kinh doanh, tái cơ cấu doanh nghiệp cho phù hợp như giảm giá bán, điều chỉnh cơ cấu hàng hóa phù hợp khả năng chi trả của thị trường, áp dụng phương thức bán hàng linh hoạt, khuyến khích chuyển sang hình thức cho thuê, thuê mua, chuyển sang nhà ở xã hội; rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch, giải quyết nhanh chóng các thủ tục cho phép điều chỉnh cơ cấu dự án bất động sản đang tồn kho, thi công dở dang cho phù hợp nhu cầu thị trường, thủ tục chuyển đổi từ dự án nhà ở

thương mại sang xã hội; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thủ tục chuẩn bị đầu tư, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chủ đầu tư hoàn thành nhanh dự án, giảm chi phí phát sinh.

Ngoài ra, giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thành phố tổ chức triển khai thực hiện và theo dõi tình hình thực hiện các quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng, rà soát, đánh giá lại nợ xấu, phân loại nợ

xấu theo loại hình doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, đối tượng vay vốn và các loại tài sản đảm bảo, nợ xấu trong bất động sản, đánh giá thực trạng tài sản đảm bảo, nguồn gốc pháp lý, giá trị thị trường, khả năng thanh khoản của các tài sản này để tham mưu giải pháp xử lý phù hợp với từng loại hình nợ xấu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.hochiminhcity.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài: “Hướng dẫn thiết kế quy hoạch xây dựng khu công nghiệp”

Ngày 3/4/2013, tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành của Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài "Hướng dẫn thiết kế quy hoạch xây dựng khu công nghiệp (KCN) - mã số TC:35-09" do Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị & nông thôn thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa, Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường - Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo với Hội đồng nghiệm thu, thay mặt nhóm tác giả, KTS. Phạm Thị Nhâm đã trình bày tóm tắt nội dung nhiệm vụ nghiên cứu cũng như các bước thực hiện đề tài. Theo báo cáo, qua 20 năm thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sự nghiệp phát triển công nghiệp của Việt Nam, đặc biệt là phát triển các KCN, đã có những bước tiến vững chắc. Tính đến hết năm 2008, cả nước đã có 219 KCN với tổng diện tích 61.470 ha, phân bố trên 54 tỉnh, thành phố, và tập trung nhiều nhất ở các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ). Các KCN hiện có đã thu hút trên 2.250 dự án FDI và đã đi vào hoạt động với vốn đầu tư trên 120.000 tỷ đồng, chiếm 49% tổng vốn đầu tư trong nước. Thành tựu phát triển của KCN đã đem lại lợi ích kinh tế to lớn. Quyết định 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 đã nhấn mạnh: “Năm 2015, đất xây dựng KCN phải đạt 65 - 70 nghìn ha; tỷ lệ lấp đầy phải trên 60%; thu hút từ 6.500 - 6.800 dự án; tổng vốn đầu tư phải đạt 36 - 39 tỷ USD. Tới năm 2020 đất xây dựng KCN đạt khoảng 80 nghìn ha”.

Nhìn chung, việc thành lập các KCN tuân thủ quy mô diện tích đã được phê duyệt; đồng thời, các KCN quy mô lớn được phân kỳ đầu tư để đảm bảo hiệu quả xây dựng cơ sở hạ tầng và thu hút đầu tư. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc xây dựng và phát triển các KCN,



TS. Nguyễn Trung Hòa chủ trì cuộc họp NTĐT

Khu chế xuất, Khu kinh tế ở nước ta vẫn còn vấp phải một số hạn chế về chất lượng xây dựng quy hoạch; quy hoạch tổng thể phát triển KCN chưa đảm bảo tính bền vững, ổn định lâu dài; quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng cho một số KCN còn khó khăn, phức tạp; môi trường KCN là vấn đề còn nhiều bức xúc...

Để thống nhất việc lập quy hoạch các KCN rất cần một hướng dẫn chung. Chủ trương biên soạn tài liệu “Hướng dẫn thiết kế quy hoạch xây dựng KCN” là đúng đắn, kịp thời và cần thiết.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn phát triển KCN ở Việt Nam trong hơn 20 năm qua, chú trọng vào 3 vùng KTTĐ (vùng KTTĐ Bắc Bộ, vùng KTTĐ Miền Trung và Miền Nam), kết hợp với việc rà soát hệ thống văn bản pháp quy hiện hành, và tham khảo kinh nghiệm quy hoạch xây dựng KCN tại một số quốc gia tiên tiến trên thế giới và trong khu vực (Thái Lan, Trung Quốc, Đài Loan, Singapore, Nhật Bản, Pháp...), nhóm tác giả đã hoàn thành các sản phẩm đề tài gồm báo cáo nghiên cứu đề tài khoa học, và dự thảo Hướng dẫn thiết kế quy hoạch xây dựng KCN.

Dự thảo Hướng dẫn có kết cấu và bố cục đúng với một văn bản pháp quy, với các cơ sở pháp lý, đối tượng và phạm vi quy hoạch. Các tác giả đã đưa ra những bước cụ thể của quy trình lập quy hoạch, nội dung nghiên cứu lập quy

hoạch; từ các bước đầu tiên là xác định mục tiêu, phạm vi ranh giới thiết kế KCN, tới việc phân tích điều kiện tự nhiên và hiện trạng, các bước tiếp theo về quy hoạch sử dụng đất, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, quy hoạch giao thông, cấp điện - nước, thoát nước mưa...

Nhận xét về đề tài, các Ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá cao tính thiết thực, cũng như nỗ lực của nhóm tác giả để hoàn thành nhiệm vụ, đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra. Để giúp nhóm tác giả hoàn thiện đề tài, các thành viên Hội đồng đã đóng góp ý kiến về một số nội dung nên lược bỏ, về tính thống nhất và tính cập nhật của các số liệu, về cơ sở pháp lý của việc biên soạn tài liệu hướng dẫn...

Phát biểu kết luận cuộc họp, TS. Nguyễn Trung Hòa hoàn toàn nhất trí với các ý kiến của các thành viên Hội đồng, và đề nghị nhóm tác

giả bổ sung thêm những phân tích, đánh giá về một vài điểm bất cập của các đồ án quy hoạch, các văn bản pháp quy trong phần báo cáo, từ đó mới có cơ sở đưa ra những kiến nghị, đề xuất cụ thể; lược bớt một số nội dung không còn thiết thực để tài liệu có bố cục gọn gàng, dễ hiểu hơn. Trong phần hướng dẫn, TS. Nguyễn Trung Hòa lưu ý nhóm tác giả viết theo ngôn ngữ tiêu chuẩn; bổ sung thêm chỉ tiêu công trình thu gom, xử lý chất thải, nước thải tại các KCN; đề nghị nhóm tác giả nghiên cứu đưa ra được những nguyên tắc chung, những quy định chung trong Hướng dẫn, để tài liệu có thể áp dụng rộng rãi vào thực tiễn.

Đề tài đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

Hội thảo quốc tế: “Môi trường xây dựng bền vững cho hiện tại và tương lai”

Trong hai ngày 26-27/3/2013, tại Hà Nội, được sự bảo trợ của Bộ Xây dựng, Cơ quan Thương mại & Đầu tư Vương quốc Anh (UKTI), Hội đồng Anh đã phối hợp với một số trường Đại học tổ chức Hội thảo quốc tế “Môi trường xây dựng bền vững cho hiện tại và tương lai”. Tham dự Hội thảo có Đại sứ Vương quốc Anh tại Việt Nam Antony Stokes; bà Angela Brady - Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Hoàng gia Anh; lãnh đạo các tập đoàn và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xây dựng bền vững của Việt Nam, Anh, Mỹ, Hà Lan, Ý, Séc, Malaysia...

Tới dự và phát biểu khai mạc, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị đánh giá cao sáng kiến tổ chức Hội thảo, và nhấn mạnh, đây là sự kiện có ý nghĩa lớn khi Việt Nam và Vương quốc Anh đang hướng tới kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao.

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị cho biết, trong những năm qua, hoạt động xây dựng tại

Việt Nam phát triển với tốc độ rất nhanh. Số m² sàn nhà ở được xây dựng trong vòng 10 năm từ năm 1999 - 2009 đã xấp xỉ bằng tổng số m² sàn nhà ở được xây dựng trước năm 1999; tốc độ đô thị hóa nhanh chóng với 765 đô thị trên cả nước, đạt tỷ lệ đô thị hóa hơn 32% vào năm 2012; tiêu thụ sản phẩm xi măng năm 2012 xấp xỉ 54 triệu tấn... Tốc độ phát triển này cùng với sự lạc hậu của các công nghệ xây dựng, công nghệ sản xuất vật liệu là các nguyên nhân gây lãng phí tài nguyên, ô nhiễm môi trường... tạo nên áp lực và thách thức không nhỏ cho công tác quản lý và là nguy cơ ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Nhằm đáp ứng mục tiêu Thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc (phát triển môi trường xây dựng bền vững, vì một môi trường sống tốt hơn cho mọi người dân trên toàn Trái đất), từ năm 2004, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt “Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam”.

Đây là một chiến lược khung bao gồm những định hướng lớn làm cơ sở pháp lý để các Bộ, ngành, trong đó có ngành Xây dựng phối hợp hành động nhằm đảm bảo phát triển bền vững đất nước trong thế kỷ XXI. Bộ Xây dựng với chức năng và nhiệm vụ của mình đã có những định hướng cụ thể như giảm thiểu tối đa các tác động không tốt của xây dựng tới môi trường, đồng thời đẩy mạnh phát triển công trình xanh, công trình tiết kiệm năng lượng, vật liệu xanh, vật liệu thân thiện với môi trường, đô thị sinh thái, đô thị cân bằng và đô thị thông minh. Bộ Xây dựng cũng đã biên soạn trình Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 - 2020; Nghị định quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định quản lý chất lượng công trình xây dựng, v.v... Các văn bản quy phạm pháp luật này là công cụ quan trọng để từng bước lập lại trật tự trong công tác quản lý đầu tư xây dựng, góp phần đảm bảo một môi trường xây dựng bền vững ở Việt Nam.

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị nhấn mạnh, Bộ Xây dựng Việt Nam đặc biệt chú trọng việc tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực ngoài nước, học hỏi và ứng dụng kinh nghiệm phát triển bền vững của các nước tiên tiến, trong đó có Vương quốc Anh - một trong những quốc gia có kinh nghiệm quản lý và phát triển bền vững; là nơi mà những giá trị văn hóa, những di sản được bảo tồn và kết hợp hài hòa với các giá trị hiện đại trong mỗi công trình kiến trúc, mỗi dự án phát triển. Những kinh nghiệm của Vương quốc Anh được đề cập tới trong Hội thảo sẽ là những bài học hữu ích cho công tác phát triển ngành Xây dựng Việt Nam theo hướng bền vững. Hội thảo sẽ là cơ hội quý báu cho các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách chia sẻ kinh nghiệm tiên tiến trong lĩnh vực môi trường xây dựng bền vững; là cơ hội xây dựng hợp tác về chuyển giao công nghệ và thương mại hóa nghiên cứu trong lĩnh vực



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu khai mạc Hội thảo

môi trường xây dựng bền vững giữa các trường Đại học, các doanh nghiệp, các hiệp hội nghề nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam và Vương quốc Anh, đồng thời là một diễn đàn cởi mở về công nghiệp xây dựng sáng tạo trong thiết kế và kiến trúc cho các doanh nghiệp hai nước.

Phát biểu tại Hội thảo, ông Robin Richard - Giám đốc Hội đồng Anh tại Việt Nam chia sẻ: Việc phát triển các thành phố và đô thị ở Anh và Việt Nam phải được thực hiện một cách bền vững. Phương pháp tiếp cận sự bền vững về lâu dài là phương pháp mang lại lợi ích cao nhất. Ông Robin Richard lấy dẫn chứng từ tổ hợp được xây dựng để phục vụ Thế vận hội Olympic 2012 tại London. Từ một vùng đất công nghiệp bỏ hoang với lớp đất nền bị ô nhiễm nặng nề đã dần biến đổi thành một quận thu hút dân cư và thúc đẩy kinh doanh; có hệ thống giao thông hiện đại kết nối tới tận trung tâm thủ đô London của Anh. Kinh nghiệm này có thể hỗ trợ Hà Nội trong việc tổ chức SEA GAMES lần thứ 18. Ngoài ra, thành công trong việc phát triển đô thị của Vương quốc Anh cũng có thể giúp Tp.Hồ Chí Minh trong việc phát triển khu vực Thủ Thiêm thành một trung tâm tài chính mới; sân bay quốc tế Long Thành trở thành một trung tâm giao thông đẳng cấp quốc tế; các thành phố vệ tinh quanh Hà Nội trở thành nơi có môi trường sống thịnh vượng và hấp dẫn.

Với chủ đề kiến trúc và thiết kế bền vững, bà

Angela Brady - Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Hoàng gia Anh đã mang đến Hội thảo một quan điểm mới của kiến trúc hiện đại: Cần có sự kết hợp hài hòa, đưa được những giá trị lịch sử vào thiết kế mới cho mỗi công trình - đó chính là giá trị lớn nhất của thiết kế với tầm nhìn dài hạn.

Đến từ Foster & Partners - tập đoàn kiến trúc danh tiếng thế giới - kiến trúc sư Richard Hawkins đã giới thiệu chương trình hỗ trợ tái tạo nhiệt lượng (RHI) của Anh. Mục đích của RHI là để tăng khả năng tận dụng nhiệt từ các nguồn tái tạo năng lượng, thay vì nhiên liệu hóa thạch, đồng thời giúp giảm phát thải khí nhà kính. Đề án này đã được đưa ra trong tháng 11/2011 cho khu vực nước ngoài. Đối với hệ thống nguồn

bơm nhiệt mặt đất, RHI đã đề xuất một hệ thống bơm nhiệt nguồn nước, dự kiến công suất gần gấp đôi so với máy bơm nhiệt - không khí.

Tại Hội thảo, các đại biểu cùng nhau thảo luận về những chủ đề đang được quan tâm tại tất cả các quốc gia trên thế giới như: quy hoạch chiến lược về an toàn nguồn nước ở các nước đang phát triển; phản xạ nhiệt đa lớp tại các nước có khí hậu nóng; sản xuất bê tông thông thường với lượng xi măng sử dụng được giảm thiểu; sử dụng tro trấu trong xi măng hiệu suất cao và bền vững; tận dụng vật liệu thu lại từ phá dỡ công trình....

Lệ Minh

Hội thảo: “Giải pháp nào để ngành Vật liệu Xây dựng vượt qua cơn bão khủng hoảng?”

Ngày 29/3/2013, tại Hà Nội, trong khuôn khổ Triển lãm Quốc tế Vietbuild Hà Nội năm 2013, Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam đã phối hợp với Công ty Cổ phần Triển lãm Quốc tế Vietbuild tổ chức Hội thảo với chủ đề: Giải pháp nào để Ngành Vật liệu xây dựng vượt qua cơn bão khủng hoảng?

Tham dự Hội thảo có TS. Trần Văn Huỳnh - Chủ tịch Hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam (VLXD), ông Tống Văn Nga - Phó Chủ tịch Hội VLXD, TS. Thái Duy Sâm - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội VLXD, cùng các lãnh đạo đại diện các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng và trên 150 đại biểu của khối cơ quan quản lý nhà nước đến từ các Bộ, ngành, các Sở Xây dựng các tỉnh thành phía Bắc; đại diện các doanh nghiệp, nhà đầu tư, các viện nghiên cứu và đông đảo các phóng viên báo, đài Trung ương và Hà Nội.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Chủ tịch Hội VLXD Việt Nam Trần Văn Huỳnh cho biết, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế trong nước và thế giới, trong hai năm vừa qua ngành Vật liệu Xây dựng gặp nhiều khó khăn về tiêu thụ sản



Chủ tịch Hội VLXD Việt Nam Trần Văn Huỳnh phát biểu khai mạc Hội thảo

phẩm, lượng hàng tồn kho lớn, các doanh nghiệp phải giảm sản lượng, nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng sản xuất. Để khắc phục tình trạng này, ngành VLXD đã đẩy mạnh xuất khẩu, nhưng việc tổ chức xuất khẩu chưa được quản lý tốt nên một số mặt hàng xuất khẩu không hiệu quả. Trong khi đó, một số chủng loại VLXD còn được nhập khẩu với khối lượng lớn, đặc biệt là nạn nhập lậu tràn lan, mặc dù các loại vật liệu này được sản xuất trong nước có thể thỏa mãn nhu cầu cả về số lượng, chất lượng và chủng loại. Do đó, các doanh nghiệp

sản xuất VLXD trong nước lại càng khó khăn thêm. Để giải quyết vấn đề này, Hội VLXD Việt Nam đã kiến nghị một số giải pháp nhằm khắc phục khó khăn hiện nay, nhưng để thực hiện được thì cần phải có sự chung tay góp sức của các Hội, Hiệp hội, doanh nghiệp và của các cơ quan quản lý nhà nước.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe nhiều báo cáo tham luận như: Nâng cao hiệu quả ngành Xi măng Việt Nam; Gốm sứ Xây dựng Việt Nam đáp ứng nhu cầu trong nước và vươn ra thị trường thế giới; Tình hình công nghiệp thép năm 2012, dự báo năm 2013 - Giải pháp vượt qua khó khăn; Giải pháp mới hữu hiệu trong thi công công trình sử dụng gạch bê tông khí (AAC) so với sử dụng gạch đất sét...

Theo ông Nguyễn Tử Thanh - Phó phòng Kế hoạch Chiến lược TCty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem), tính đến năm 2013, nguồn cung của thị trường xi măng Việt Nam có công suất khoảng 73 triệu tấn/năm, có khả năng sản xuất tất cả các chủng loại xi măng đáp ứng nhu cầu công nghiệp và dân dụng, trong đó 2/3 công suất có công nghệ và thiết bị tốt, mới đầu tư. Tuy nhiên, mức tiêu thụ trong nước mới chỉ đạt khoảng 50 triệu tấn/năm. Như vậy lượng dư thừa hàng năm trên 20 triệu tấn, nếu xuất khẩu hàng năm khoảng 10 triệu tấn thì Việt Nam vẫn dư thừa khoảng 10 - 12 triệu tấn công suất, việc dư thừa này sẽ gây lãng phí nguồn lực xã hội rất lớn (vốn, tài nguyên...), gây thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng mỗi năm. Mặt khác, giá nguyên, nhiên, vật liệu liên tục tăng, lãi suất vay cho đầu tư và sản xuất cao, thị trường cạnh tranh hỗn loạn dẫn đến làm suy yếu nhà sản xuất do không có điều kiện tái đầu tư, cải tiến công nghệ, giảm giá thành... từ đó làm suy yếu cả ngành Xi măng, gây thiệt hại cho người tiêu dùng và xã hội. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả ngành Xi măng Việt Nam là tiếp tục rà soát quy hoạch và kiểm tra việc triển khai quy hoạch, chiến lược ngành Xi măng; tái cơ cấu ngành Xi măng trên phạm vi cả nước, chú ý tỷ

lệ nhà đầu tư nước ngoài chiếm giữ thị trường có giới hạn; kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ vốn và lãi suất, cải tiến công nghệ, sản xuất sản phẩm mới, thực hiện các biện pháp giảm chi phí năng lượng, tận dụng nhiệt khí thải.

Về ngành Gốm sứ xây dựng, theo ông Đinh Quang Huy - Chủ tịch Hiệp hội Gốm sứ xây dựng Việt Nam cho biết, bên cạnh những ưu điểm đạt được thì ngành Gốm sứ xây dựng Việt Nam đã và đang bộc lộ nhiều nhược điểm như: Quy mô đầu tư nhỏ, phân tán; công nghiệp nguyên liệu chưa có; các thiết bị, kể cả những thiết bị đơn giản phần lớn đều nhập khẩu hoàn toàn; các doanh nghiệp bắt chước mẫu mã lẫn nhau; chưa chú trọng đúng mức tới việc xây dựng thương hiệu... mà nếu không xử lý từng bước một cách phù hợp sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả cũng như cạnh tranh nội địa và quốc tế, bởi nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào thị trường thế giới. Tuy nhiên, qua đánh giá tổng quát về năng lực sản xuất, nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu có thể thấy, với năng lực sản xuất 414,5 triệu m² gạch ốp lát các loại, 13,1 triệu sản phẩm sứ vệ sinh và hàng năm có thể khai thác được khoảng 10 triệu sản phẩm sứ, như vậy rõ ràng có thể thỏa mãn cho việc xây dựng mới hàng trăm triệu m² nhà ở của mọi thành phần kinh tế, chưa nói tới đủ khả năng cung cấp hàng chục triệu m² cho thị trường sửa chữa và nâng cấp. Ngoài ra, gạch ốp lát Việt Nam còn phong phú về kích thước, đa dạng về mẫu mã, có chất lượng tốt phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng. Đối với các sản phẩm gốm sứ, có thể nói người tiêu dùng trong nước đang được hưởng lợi từ sự cạnh tranh trong điều kiện cung lớn hơn cầu, vì các nhà sản xuất hiện tại tới 90% là tư nhân nên giá thành sản xuất ngày càng giảm, do đó giá bán cho người tiêu dùng cũng giảm theo. Mục tiêu trong thời gian tới của ngành gốm sứ Việt Nam là không chỉ đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn cần đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời tăng cường ngăn chặn mọi hình

thức buôn lậu, gian lận thương mại, nhằm góp phần phát triển bền vững ngành Gốm sứ xây dựng Việt Nam.

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội VLXD Trần Văn Huynh, để vượt qua được cơn bão khủng hoảng hiện nay, các doanh nghiệp đã biết cách tự thân vận động, tìm ra giải pháp và vượt qua khó khăn. Nhưng quan trọng hơn là các doanh

nh nghiệp phải hợp tác chặt chẽ với nhau, chấm dứt tình trạng tranh mua, tranh bán, chủ động tổ chức hợp tác xuất khẩu và mở rộng thị trường trong nước, luôn đề cao và phát huy tinh thần “Người Việt Nam dùng hàng Việt Nam”.

Bích Ngọc

Hội nghị Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu cấp nước đô thị Việt Nam

Ngày 3/4/2013, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu cấp nước đô thị Việt Nam trong khuôn khổ Dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam do Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ.

Tham dự Hội nghị có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, ông Paul Valley - Đại diện WB và đại diện các Bộ, ngành Trung ương; Văn phòng Chính phủ; Đại sứ quán các nước Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy; đại diện lãnh đạo các công ty cấp nước trên toàn quốc.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã nêu rõ sự cần thiết của hệ thống cơ sở dữ liệu cấp nước trong công tác quản lý hiện nay. Dưới sự hỗ trợ của WB, cùng với sự tham gia phối hợp chặt chẽ của các đơn vị tư vấn trong nước và quốc tế, sự đóng góp tích cực của các công ty cấp nước, sau một thời gian triển khai nghiêm túc, bài bản và khoa học, Chương trình cũng đã hoàn thành. Hội nghị được tổ chức nhằm báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu cấp nước đô thị Việt Nam năm 2011 với sự tham gia của khoảng 80 công ty cấp nước đô thị thuộc các loại hình sở hữu khác nhau với trên 30 chỉ tiêu đánh giá toàn diện. Lần đầu tiên hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) được công bố trên trang Web dữ liệu ngành nước của Bộ Xây dựng với định hướng sẽ được cập nhật thường xuyên, tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan cập nhật, khai



Thứ trưởng Cao Lại Quang phát biểu tại Hội nghị

thác, sử dụng có hiệu quả CSDL ngành nước.

Theo Thứ trưởng Cao Lại Quang, việc xây dựng và hình thành CSDL ngành nước mới chỉ là bước đầu, việc duy trì, phát triển, cập nhật các dữ liệu đảm bảo chất lượng, khai thác sử dụng có hiệu quả vào sự nghiệp phát triển ngành cấp nước mới là mục tiêu chính và hết sức quan trọng. Kinh nghiệm triển khai CSDL năm 2011 cho thấy: Việc thu thập các dữ liệu từ các công ty cấp nước còn gặp nhiều khó khăn, vẫn còn một số đơn vị chưa cung cấp đầy đủ hoặc cung cấp số liệu chưa chính xác mặc dù đã có sự hỗ trợ, giải thích của các chuyên gia, dẫn tới công tác tổng hợp, phân tích số liệu kéo dài, giảm tính thời sự của CSDL. Thứ trưởng Cao Lại Quang bày tỏ mong muốn, thông qua Hội nghị, sẽ nhận được nhiều ý kiến đóng góp cho Bộ Xây dựng, cho các công ty cấp nước để xây dựng cơ chế thu thập, xử lý CSDL được

hoàn thiện hơn.

Theo báo cáo tại Hội nghị, Dự án xây dựng phần mềm quản lý CSDL ngành nước được thực hiện trên quy mô lớn. Công tác lập Dự án được thực hiện thông qua đơn vị tư vấn do Ban QLDA Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật thuộc Bộ Xây dựng tuyển chọn. Mục tiêu của Dự án là xây dựng hệ thống CSDL các công ty cấp nước thông qua chế độ báo cáo như báo cáo định kỳ, lập trang web quản lý CSDL ngành cấp nước và cập nhật các chính sách đã ban hành nhằm từng bước nâng cao năng lực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và các cơ quan Chính phủ. Cơ cấu phần mềm quản trị hệ thống CSDL có hơn 10 chức năng quản lý, thao tác thực hiện các chức năng dễ dàng. Đối với người quản trị, thông qua trang web có thể quản lý được tình hình hoạt động của các doanh nghiệp cấp nước tại tất cả các vùng miền trên toàn quốc, như tỷ lệ dịch vụ, mức chi phí điện năng, mức nước sinh hoạt bình quân theo đầu người, tỷ lệ thất thoát nước...; Đối với các doanh nghiệp cấp nước, thông qua hệ thống phần mềm CSDL có thể nắm bắt được tình hình cấp nước của các doanh nghiệp khác, từ đó làm mục tiêu phấn đấu phát triển doanh nghiệp của mình.

Thay mặt cho các công ty cấp nước tại Việt Nam, ông Nguyễn Như Hải - TGD Công ty nước sạch Hà Nội đã bày tỏ vui mừng trước sự quan tâm của Chính phủ về lĩnh vực này và đánh giá cao ý nghĩa to lớn của Dự án. Thông qua hệ thống CSDL, các cơ quan quản lý nhà nước có thể nắm bắt mọi hoạt động từ sử dụng cho đến

khai thác của các công ty, đồng thời qua đó, các công ty cấp nước sẽ có những thay đổi về cách điều hành, tạo dựng dữ liệu kiểm soát, khẳng định vai trò và cách quản lý của mình.

Đại diện cho khu vực cấp nước phía Nam, ông Nguyễn Văn Thiên - Giám đốc Công Ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương cũng đánh giá cao Dự án này bởi tính minh bạch, công khai, thúc đẩy ngành nước Việt Nam phát triển. Tuy nhiên, để Dự án hoạt động có hiệu quả thì các các doanh nghiệp cần liên kết, phối hợp chặt chẽ với nhau hơn nữa. Ông cũng nhận định, CSDL đầu vào là một khâu rất quan trọng, bởi nó sẽ quyết định độ chính xác của nguồn thông tin, tuy nhiên hiện nay, do nhiều yếu tố tác động, nên việc các doanh nghiệp cấp nước không tuân thủ cung cấp thông tin chuẩn xác cũng có thể xảy ra, do đó các cơ quan chức năng cần có biện pháp tháo gỡ những trở ngại khiến cho những công ty không dám công khai thông tin của mình.

Thông qua Hội nghị, thay mặt cho lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã cảm ơn các đơn vị tư vấn trong nước và quốc tế đã sát cánh với Bộ Xây dựng để hoàn thành Dự án này, đồng thời bày tỏ tin tưởng, hệ thống CSDL ngành nước không những sẽ được duy trì, cập nhật mà ngày càng thu hút được sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của các doanh nghiệp ngành nước, đưa ngành nước phát triển ổn định và bền vững hơn trong tương lai.

Bích Ngọc

Kinh nghiệm quản lý chất lượng không khí của Hàn Quốc

Trong thời gian gần đây, hạt bụi PM2,5 (là những hạt bụi có đường kính bằng hoặc nhỏ hơn 2,5 mi-cro-mét) đã trở thành vấn đề nóng trong xã hội Trung Quốc. So với Trung Quốc, Hàn Quốc tuy là một quốc gia có diện tích lãnh thổ nhỏ bé, nhưng những năm gần đây cũng phải

đối phó với vấn đề chất lượng không khí ngày càng ô nhiễm nghiêm trọng. Để tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí, Bộ Môi trường Hàn Quốc đã ban hành một loạt các chính sách, xây dựng mạng lưới giám sát chất lượng không khí, đồng thời thực hiện thông báo

dữ liệu, kịp thời cung cấp thông tin về chất lượng không khí cho người dân, từ đó có biện pháp ngăn chặn khi chất lượng không khí thay đổi làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Về phương diện quản lý chất lượng không khí của Hàn Quốc, có thể nói đây là kinh nghiệm đáng để Trung Quốc học hỏi.

Hệ thống pháp lý và chính sách liên quan

Ở Hàn Quốc, vấn đề chất lượng không khí đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của Bộ Môi trường. Hàng năm, trong “Sách trắng về môi trường” đều có một chương báo cáo đặc biệt về tình hình chất lượng không khí của năm trước đó. Để kiểm soát chất lượng không khí, Hàn Quốc đã ban hành các Luật như: “Luật Bảo vệ không khí trong lành”, “Luật Kiểm soát chất lượng không khí tại các khu vực có hạ tầng công cộng”, “Luật Phòng chống mùi hôi”, “Luật quản lý xe cơ giới”, “Luật Năng lượng nguyên tử”, “Luật Sử dụng nguồn năng lượng tái tạo hợp lý”, “Luật Quản lý máy xây dựng”, “Luật Cung cấp năng lượng”, “Luật Thúc đẩy phát triển nguồn năng lượng thay thế”... Tất cả những chính sách trên đã hình thành nên một khung pháp lý cơ bản về quản lý chất lượng không khí tại Hàn Quốc.

Cùng với tiến trình công nghiệp hóa và đô thị hóa của Hàn Quốc phát triển nhanh chóng, người dân đã có nhận thức sâu sắc hơn về vấn đề ô nhiễm môi trường, nhu cầu của công chúng về một môi trường trong lành, thoải mái cũng ngày một tăng, điều này đồng nghĩa với việc chính sách kiểm soát ô nhiễm môi trường cũng ngày càng hoàn thiện và nghiêm ngặt hơn. Để cải thiện chất lượng không khí, Chính phủ Hàn Quốc đã thông qua một loạt các biện pháp như: Khuyến khích sử dụng khí tự nhiên và nhiên liệu có độ lưu huỳnh thấp, di dời các nhà máy ra xa thành phố... và nhiều biện pháp khác để cải thiện chất lượng không khí ở các đô thị. Ngoài ra, Chính phủ còn nỗ lực kiểm soát nguồn ô nhiễm đang gia tăng, theo dõi và phân tích mức độ ô nhiễm, đây là những việc làm cần thiết để giúp cho người dân được tiếp cận với một môi trường có chất lượng tốt, đồng thời cũng là biện pháp

thiết yếu để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường. Căn cứ vào những yêu cầu chính sách và pháp luật đã nêu ở trên, trước mắt Hàn Quốc thực hiện theo dõi đối với 5 loại chất ô nhiễm không khí là: Bụi PM10, nitơ điôxit, sulfur điôxit, ôzôn và carbon monoxide. Hơn nữa, Chính phủ Hàn Quốc còn xây dựng tiêu chuẩn về chất lượng môi trường tương ứng cho 5 loại vật chất này. Lấy PM10 làm ví dụ, tiêu chuẩn môi trường được bắt đầu thực hiện từ năm 1996 để ra mức trung bình hàng năm là 70 microgram/m³ hoặc trung bình là 150 microgram/m³ trong vòng 24 giờ. Tuy nhiên, theo “Sách trắng về môi trường” của Bộ Môi trường Hàn Quốc, tiêu chuẩn cho PM10 đã được nâng lên trung bình hàng năm là 50 microgram/m³ hoặc trung bình là 100 microgram/m³ trong vòng 24 giờ.

Hàn Quốc bắt đầu thực hiện công tác báo cáo về tình hình giám sát chất lượng không khí rất sớm từ tháng 4/2002. Tại thời điểm đó, Bộ Môi trường Hàn Quốc đã thiết lập 16 điểm quan trắc tại sân vận động World Cup, đồng thời báo cáo dữ liệu. Sau đó, cùng với việc công chúng ngày càng quan tâm hơn về chất lượng không khí, cũng như nhận thức sâu rộng của công chúng về dữ liệu ô nhiễm không khí trong đô thị, để đảm bảo công chúng được tiếp cận với thông tin về môi trường, tháng 12/2005, Bộ Môi trường Hàn Quốc đã thiết lập trang web không khí Hàn Quốc (AirKorea), trang web này luôn cập nhật dữ liệu về môi trường, các dữ liệu được công bố chủ yếu là tiêu chuẩn chất lượng không khí của 5 loại vật chất nêu trên. Đồng thời, trong quá trình giám sát chất lượng không khí, người ta còn sử dụng chỉ số chất lượng không khí để làm cơ sở đánh giá toàn bộ tình hình không khí tại khu vực đó tốt hay xấu.

Hàn Quốc có thực hiện đo bụi PM2.5?

Về vấn đề xử lý những hạt vật chất nói trên, trước mắt, chính sách môi trường của Hàn Quốc chủ yếu tập trung vào tiêu chuẩn môi trường PM10. Trong “Luật Cải thiện đặc biệt đối với chất lượng không khí đô thị” có hiệu lực từ ngày 01/01/2005, mục tiêu chính của Luật này là tới

năm 2014, tiêu chuẩn bụi PM10 tại khu vực thủ đô Seoul sẽ từ 60 microgram/m³ trong năm 2005 nâng lên là 40 microgram/m³. Nhưng có thể thấy, trong mục tiêu của chính sách này không bao gồm các yêu cầu tiêu chuẩn đối với bụi PM2.5. Nhưng việc không bao gồm tiêu chuẩn môi trường và giám sát đối với bụi PM2.5 trong chính sách chỉ mang tính chất tạm thời. Hiện chính phủ Hàn Quốc đã bắt đầu hành động, các nhà nghiên cứu của Hàn Quốc cho rằng, do chưa hoàn toàn nắm rõ tính chất vật lý và thành phần hóa học trong hạt bụi PM2.5, nên chưa thể thiết lập hệ thống giám sát để cung cấp những cơ sở khoa học có giá trị và hiệu quả.

Không khí bị ô nhiễm là do nhiều hạt vật chất khác nhau cấu thành, chúng được sản sinh từ hoạt động của con người và của tự nhiên, khi những hạt bụi bay lơ lửng này hay hạt bụi PM10 đạt tới mức độ nhất định, chúng sẽ gây ảnh hưởng tới sức khỏe của con người. Việc giám sát bụi PM10 chỉ là bước đầu tiên trong việc loại bỏ chất ô nhiễm không khí. Cho đến năm 2001, tiêu chuẩn môi trường đối với những hạt vật chất trong không khí Hàn Quốc mới chuyển đổi từ hạt vật chất bay lơ lửng sang thành PM10. Trong thực tế, từ năm 1995, Hàn Quốc đã bắt đầu theo dõi dữ liệu về bụi PM10. Hiện nay, mặc dù bụi PM2.5 tạm thời chưa có số liệu chính thức, nhưng trong hoạt động giám sát khoa học đã được thực hiện từ nhiều năm qua.

Chính sách giám sát các hạt vật chất trong không khí xuất phát từ triết lý cơ bản là khi hạt vật chất càng nhỏ thì mức nguy hại đối với sức khỏe con người càng lớn. Dựa trên lý thuyết này, việc nghiên cứu bụi PM2.5 có thể cung cấp một cơ sở giám sát có quy mô lớn trong tương lai. Bộ Môi trường Hàn Quốc đã hỗ trợ nhiều dự án nghiên cứu cho PM2.5, nội dung nghiên cứu chủ yếu là nhằm vào PM10 và PM2.5, tiến hành giám sát và nghiên cứu đặc tính của PM2.5. Ngoài ra, căn cứ vào báo cáo nghiên cứu đã đăng trên tạp chí "Sức khỏe môi trường và độc chất" năm 2010, trị số bụi PM10 tại Hàn Quốc có sự thay đổi theo mùa. Vào tháng 4 hàng năm,

khi cơn bão bụi tại khu vực Đông Nam Á tràn tới, trị số bụi PM10 sẽ tăng lên đáng kể, riêng bụi PM2.5 lại không bị ảnh hưởng, luôn giữ trạng thái ổn định, về cơ bản trị số của PM10 dao động ở cấp độ từ 35% - 70%. Hiện nay, nguyên nhân chính khiến khu vực thủ đô Seoul - Hàn Quốc bị nhiễm bụi PM2.5 là do nguồn ô nhiễm trong khu vực, đặc biệt là khí thải từ xe hơi, trong đó, kim loại nặng là thành phần chủ yếu của bụi PM2.5. Theo nghiên cứu khoa học, thông qua việc đo lường hạt vật chất và thành phần của bụi PM2.5 còn phát hiện nguy cơ gây ung thư cao bởi kim loại nặng crom chứa trong vật chất này.

Những năm gần đây, dưới sự hỗ trợ của Bộ Môi trường Hàn Quốc, các cơ quan chuyên môn có liên quan đã triển khai nhiều phương pháp nghiên cứu đo hàm lượng bụi PM2.5, những phương pháp đo này có vai trò quan trọng trong việc triển khai giám sát PM2.5. Việc lựa chọn địa điểm và thời gian đo PM2.5 mang tính quyết định đến số liệu chuẩn xác và kết quả cuối cùng. Vì vậy, lựa chọn phương pháp đo lường khoa học chính là tiền đề của việc thiết lập một mạng lưới giám sát.

Xu hướng tương lai

Mặc dù Chính phủ Hàn Quốc không đưa trị số giám sát PM2.5 vào trong mạng lưới giám sát chất lượng không khí, nhưng điều này không có nghĩa là trong tương lai Hàn Quốc không triển khai thực hiện giám sát PM2.5. Theo thông tin mới nhất, từ tháng 4/2011, Hàn Quốc đã bắt đầu thí điểm giám sát PM2.5, đến tháng 1/2015 sẽ chính thức thực hiện theo Tiêu chuẩn Quốc gia cho PM2.5, trung bình hàng năm là 25 microgram/m³ hoặc trung bình là 50 microgram/m³ trong vòng 24 giờ.

Ngô Vũ

Trường Đại Học Vũ Hán

Nguồn: <http://www.pipcn.com>
(Trang web Kiến trúc Trung Quốc)

ND: Bích Ngọc

Ảnh hưởng của các giải pháp năng lượng thay thế đối với kiến trúc nhà cao tầng

Khi phân tích sự phát triển trong thiết kế nhà cao tầng, có thể thấy việc sử dụng năng lượng gió và năng lượng mặt trời là hai giải pháp công nghệ phổ biến nhất ở thời điểm hiện tại. Bài viết này đề cập một số nguyên tắc cơ bản trong việc ứng dụng các thiết bị năng lượng gió và đề xuất một giải pháp thiết kế tổng hợp cho phép sử dụng các thiết bị này đối với một hoặc nhiều hướng gió khác nhau theo tính toán. Bên cạnh đó, kinh nghiệm ứng dụng các panel và các yếu tố quang điện trong các tòa nhà cao tầng để sử dụng chúng một cách hiệu quả hơn cũng được phân tích trong bài viết này.

Thông thường, trong các nhà cao tầng, thiết bị năng lượng gió được bố trí theo phương ngang chỉ sử dụng với một hướng gió. Các phương án cơ bản trong thiết kế nhà cao tầng có máy phát chạy bằng sức gió gồm:

- tòa nhà có các ô cửa sổ xuyên suốt và tầng kỹ thuật, bảo đảm việc thu nhận gió và tăng cường các luồng khí tới các bánh xe gió, hoặc hệ thống bánh xe gió bên trong tòa nhà;

- tòa nhà trong đó một phần tường ngoài được sử dụng như bề đỡ cho các máy phát được gắn trên mái nhà;

- tổ hợp hai (2) tòa tháp hình tròn hoặc hình elip có bố trí các thiết bị năng lượng gió giữa các tòa nhà;

- tòa nhà có các thiết bị năng lượng gió lắp đặt tại các lỗ thông gió trên tường ngoài bằng bê tông cốt thép, tại các vị trí cao hơn mái của khung kim loại được lắp kính bên trong.

Có thể cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng gió của các tòa nhà bằng các biện pháp kiến trúc đô thị khác nhau:

1. Trên cơ sở nghiên cứu các số liệu thống kê về mặt khí tượng, tính chất địa hình, độ mở của diện tích xây dựng, và theo các số liệu thu được từ kết quả khảo sát luồng khí xoáy trong ống khí động, các khu vực được bảo đảm năng

lượng gió một cách chắc chắn trong vùng vi khí hậu hoặc trong một vùng của đô thị - mà trong phạm vi đó, tòa nhà tiết kiệm năng lượng có thể liên quan - sẽ được làm rõ. Mỗi liên kết này thể hiện tại khu vực được bảo đảm năng lượng gió nhiều nhất trong tòa nhà.

2. Xác định các yếu tố kinh tế - tự nhiên tối ưu hóa địa hình khu vực, nhằm thiết lập hệ thống dẫn khí động và sử dụng các hệ thống này để cung cấp những luồng gió mạnh hơn cho các thiết bị năng lượng gió trong tòa nhà .

3. Nếu xây dựng đồng thời hoặc liên tiếp các nhà cao tầng, mà một (hoặc nhiều hơn một) tòa nhà trong số đó có liên quan tới việc sử dụng năng lượng gió, các nhà nghiên cứu sẽ xem xét khả năng bố trí tương tác để có thể tăng cường hiệu quả khí động học chung, nhằm tăng cường việc cung cấp các luồng khí cho các thiết bị, hoặc hệ thống các thiết bị năng lượng gió của các tòa nhà.

Để lắp đặt các turbin gió, hình dáng các tòa nhà cần làm sao để bảo đảm luồng gió chủ đạo đạt vận tốc tối đa, có tính tới đặc điểm khu vực:

- không gian mở như bờ biển, bờ hồ, vùng nông thôn có các công trình có chiều cao dưới 10 m; sa mạc, thảo nguyên, đài nguyên;

- khu vực đô thị, các cánh rừng, và các vị trí được bao phủ bởi các vật cản có chiều cao dưới 10 m;

- các quận nội thị có mật độ các tòa nhà chiều cao $h > 25$ m ở mức cao.

Để xác định hình dáng tối ưu của các tòa nhà cho mục đích lắp đặt các turbin gió, các nhà thiết kế đã áp dụng các kết quả nghiên cứu về mặt khí động học của các nhà cao tầng, vì các đặc điểm khí động học của mỗi tòa nhà hay công trình trên thực tế phụ thuộc khá nhiều vào hình dáng cũng như kích thước hình học của chúng; vào tính chất và cơ cấu của dòng khí chuyển động; và phụ thuộc vào môi trường xây

dựng xung quanh, cùng một số yếu tố khác.

Ngoại trừ trường hợp tòa nhà được xây độc lập; trong những trường hợp còn lại, các hệ số khí động học của lực, moment và áp suất bên trong cũng như bên ngoài cần được xác định trên cơ sở các số liệu của thí nghiệm mô phỏng được tiến hành trong những ống thổi khí động chuyên dụng. Quá trình tiến hành các thí nghiệm mô phỏng khí động cần kèm theo một số điều kiện nhất định để bảo đảm tính chính xác của các thông tin về tải trọng gió lên tòa nhà.

Cũng cần ghi nhận một điều: nếu hướng gió hình thành một góc 45^0 so với mặt tiền của tòa nhà, ở các biên cản gió của mái che sẽ xuất hiện dòng xoáy, tạo điều kiện tăng cường áp suất phản lực tại các biên, nhất là trong trường hợp gió mạnh. Do đó, tại khu vực này cần nghiên cứu kỹ tính hợp lý trong việc lắp đặt các thiết bị năng lượng gió.

Những luồng xoáy mạnh của các khối khí tại các biên mái của các nhà cao tầng được ứng dụng để lắp đặt turbin gió trong thiết kế của tòa nhà COR building.

Sự gia tăng vận tốc gió giữa 2 tòa nhà cao tầng được ứng dụng trong thiết kế của tòa nhà Bahrain World Trade Centre Towers.

Giữa các tòa nhà đứng cạnh nhau, vận tốc các luồng khí chuyển động sẽ tăng lên, như vậy, nếu vận tốc trung bình của gió là 3,3m/s; vận tốc luồng khí giữa các tòa nhà sẽ tăng lên khoảng từ 4,0 - 4,6 m/s.

Các ví dụ về hình dáng phổ biến nhất của các nhà cao tầng với thiết bị năng lượng gió được sử dụng chỉ để đón một hướng gió, như sau:

1. Tòa nhà có các lỗ thông gió xuyên suốt và có tầng kỹ thuật bảo đảm thu nhận gió và tăng cường các luồng khí tới các bánh xe gió hoặc hệ thống bánh xe gió bên trong tòa nhà.

Có thể lấy tòa nhà Pearl River Tower tại thành phố Quảng Châu (Trung Quốc) làm ví dụ. Trên mặt tiền của tòa nhà 69 tầng này, tại các tầng kỹ thuật, các nhà thiết kế đã xem xét

việc tạo những rãnh nằm ngang xuyên qua lòng nhà dẫn tới 4 turbin gió có đường kính sai cánh 5 m, được đặt bên trong những lỗ thông gió xuyên suốt, còn mặt tiền tòa nhà được định theo hướng gió. Bên cạnh đó, hình dáng xoáy quanh của mặt tiền tòa nhà cũng định hướng rõ ràng cho luồng khí đi vào các lỗ thông gió trên hai tầng kỹ thuật được phân bố lần lượt tại 1/3 và 2/3 độ cao tòa nhà.

2. Tòa nhà trong đó một phần tường ngoài được sử dụng như bộ đỡ gắn các thiết bị năng lượng gió trên mái.

Castle House là tòa nhà chọc trời đầu tiên tại London (Anh), trên mái của nó có lắp đặt các turbin gió. Các turbin này với trục quay nằm ngang có 5 cánh quạt thay vì 3 cánh như thông thường, nhằm giảm rung chấn và tiếng ồn. Các turbin được gắn với các kết cấu bằng kim loại và có 4 bộ giảm chấn đi kèm. Việc lắp đặt turbin gió ở độ cao 148 m (tòa nhà 43 tầng) tỏ rõ ưu điểm, do vận tốc gió tại độ cao như thế luôn có công năng và ý nghĩa rất lớn.

3. Tổ hợp hai tòa tháp hình tròn hoặc hình elip có bố trí các thiết bị năng lượng gió giữa các tòa nhà.

Hai tòa tháp của Bahrain World Trade Centre Towers được liên kết bởi 3 cây cầu bằng kim loại, trên đó, các nhà thiết kế đã lắp đặt những turbin gió với công suất 225 kw. Hình dáng các tòa tháp, với những đường nét kiến trúc mặt tiền như những cánh bướm đã tạo ra bề mặt khí động học, và thiết lập giữa các tòa nhà một cái phễu khổng lồ “bắt” các luồng gió phơn vùng duyên hải; còn áp suất phản lực từ hướng ngược lại của các tháp được gia tăng, giúp cải thiện vận tốc gió đi qua các turbin.

Kết quả các thí nghiệm trong ống khí động đã khẳng định: Hình dáng tòa tháp, việc bố trí không gian tạo nên luồng khí hình chữ S đủ mạnh, nên trung tâm luồng gió gần như thẳng góc với turbin trong phạm vi 45^0 góc phương vị của gió tới một hướng bất kỳ của trục trung tâm. Điều này giúp cải thiện đáng kể tiềm năng sản

xuất năng lượng điện của các turbin.

4. Tòa nhà có thiết bị năng lượng gió được lắp đặt tại các lỗ thông gió trên tường ngoài bằng bê tông cốt thép, tại các vị trí cao hơn mái của khung kim loại được lắp kính bên trong.

Bản thân hình dáng tòa nhà văn phòng COR building, bang Miami, Hoa Kỳ đã khá độc đáo: khung kim loại lắp kính bên trong, vỏ ngoài là tường bằng bê tông cốt thép có khả năng tránh tác động của ánh nắng mặt trời, trên tường có những lỗ thông gió hình tròn tương đối lớn. 12 m tường bê tông cốt thép trên cùng được xây cao hơn mái tòa nhà. Trong khi đó, các luồng gió mạnh có thể xuyên suốt các lỗ thông gió. Nhờ đó, các turbin gió được đặt tại các lỗ thông gió, với các trục xoay nằm ngang, sẽ hoạt động tương đối hiệu quả. Ngoài ra, việc bố trí các turbin này cao hơn mái giúp giảm tác động của âm thanh tới các căn phòng được lắp kính ở bên trong. Tải trọng rung được truyền trực tiếp từ các turbin tới tường bê tông cốt thép chịu lực bên ngoài, tác động rung từ các turbin gió tới khung kim loại được lắp kính bên trong cũng giảm thiểu đáng kể.

Đối với các tòa nhà sử dụng năng lượng mặt trời, những tòa nhà như sau chiếm ưu thế:

1. Những tòa nhà được gắn các panel quang điện làm tường bao che mờ;

2. Những tòa nhà ứng dụng các khối kính quang điện dưới dạng tường bao che xuyên sáng;

3. Những tòa nhà có các panel quang điện được gắn trên mái;

4. Những tòa nhà có thiết bị hội tụ tự xoay, được cố kết với khung kim loại đặt nằm từ hướng ngoài vào theo chu vi tòa nhà.

Khi thiết kế các nhà cao tầng với các panel quang điện và thiết bị thu sáng, các panel được gắn theo hướng từ ngoài vào; còn các thiết bị thu sáng tự xoay được cố kết vào khung kim loại bố trí theo chu vi tòa nhà, theo hướng từ bên ngoài vào.

Có thể lấy một vài ví dụ điển hình cho phương pháp ứng dụng các yếu tố quang điện trong các nhà cao tầng:

1. Các tòa nhà gắn panel quang điện làm tường bao che mờ.

Trên mặt tiền chính và các mặt tiền bên hông của tòa nhà Pearl River Tower tại thành phố Quảng Châu (Trung Quốc), các panel mặt trời được bố trí theo 2 cách: từ hướng mặt tiền chính - ở phần bên dưới các lỗ thông gió với các thiết bị năng lượng gió và trên mái tòa nhà; trên mặt tiền bên hông phía nam của tòa nhà.

2. Các tòa nhà sử dụng khối kính quang điện dưới dạng tường bao che xuyên sáng.

Đặc điểm của kết cấu khối kính quang điện (photovoltaic glass unit) là vừa tạo ra năng lượng vừa không cản trở tầm nhìn từ bên trong tòa nhà. Bên trong các khối kính có các lăng trụ trong suốt cho ánh sáng lọt qua, hướng một phần ánh sáng mặt trời trực tiếp tới những dải rất mảnh của các tế bào quang điện được bố trí theo phương nằm ngang.

3. Các tòa nhà với các panel quang điện được gắn trên mái.

Dự án sinh thái của Trung Quốc Wuhan Energy Flower (tác giả là kiến trúc sư nổi tiếng Jos van Eldonk) là một tòa tháp kỳ vĩ có hình dáng một bông hoa huệ, chiều cao xấp xỉ 140 m, trong đó là trung tâm nghiên cứu khoa học. Còn các lá dưới chân tòa tháp là các phòng thí nghiệm. Jos van Eldonk cũng đã nghiên cứu việc lắp đặt các panel quang điện trên mái tòa nhà, và việc sử dụng các turbin gió tại phần trung tâm tòa nhà. Với mục đích giảm tải trọng gió, mái nhà theo thiết kế có dạng hình tròn, không rộng lắm và độ dốc mái không lớn; bởi vì độ dốc mái cũng rất quan trọng để có thể thu nhận năng lượng mặt trời nhiều hơn.

4. Các tòa nhà có thiết bị hội tụ tự xoay cố kết vào khung kim loại được bố trí theo hướng từ ngoài vào theo chu vi tòa nhà.

Trong thiết kế tòa nhà Solar Tower tại Chicago (Hoa Kỳ), các kiến trúc sư đã xem xét

việc lắp đặt các thiết bị hội tụ trên các khung hình trụ bằng kim loại bố trí theo hướng từ ngoài vào theo chu vi tòa nhà. Một hệ thống đặc biệt cho phép các thiết bị này trong vòng một ngày tự quay, để luôn có thể thẳng góc với mặt trời, nhờ đó hiệu suất của các thiết bị được nâng cao rõ rệt.

Khi nghiên cứu thiết kế của tòa nhà đa năng tại thành phố Kiev (Ucraina), nhiệm vụ sử dụng các thiết bị năng lượng gió đối với nhiều hướng gió khác nhau theo tính toán, kết hợp sử dụng các yếu tố quang điện đã được đặt ra cho các nhà thiết kế. Giải pháp thiết kế nằm trong việc áp dụng các thiết bị năng lượng gió được bố trí trong các hộp hình cầu (3 hộp mỗi tầng), và trong một thiết bị năng lượng gió tự xoay ở trên mái có công suất mạnh; cũng như trong việc kết hợp sử dụng các khối kính quang điện xuyên sáng trên bề mặt các mặt tiền hướng nam, đông nam và tây nam của tòa nhà.

Khu vực được chọn để thực hiện dự án này cho phép tận dụng tối đa năng lượng mặt trời, bởi vì xung quanh không có các công trình cao tầng khác có thể tạo bóng râm; còn các tòa nhà 5 tầng hiện hữu nằm ở những khoảng cách tương đối lớn.

Hình dáng các hộp với thiết bị năng lượng gió và vị trí lắp đặt các hộp bảo đảm sự thuận tiện cho các khu vực đi bộ xung quanh, và bảo đảm vận tốc gió trong mỗi đợt gió không vượt ngưỡng 1,5 m/s; tính liên tục của các luồng gió trong giới hạn cho phép, theo yêu cầu của các văn bản hướng dẫn xây dựng.

Các nhà thiết kế cũng nghiên cứu kỹ các văn phòng làm việc nằm từ tầng 5 tới tầng 33; các kiosque thương mại từ tầng 1 tới tầng 4; và bãi đỗ xe ngầm có 4 tầng hầm.

Việc lựa chọn hình thức tối ưu cho tòa nhà có ứng dụng các thiết bị năng lượng gió cần dựa trên kết quả những công trình nghiên cứu các tòa nhà khí động học và sử dụng thiết bị năng lượng gió tại các khu vực giao thoa giữa bề mặt cản gió với các tường bên hông trước đó.

Với các tòa nhà hình lăng trụ, lăng trụ vuông với các góc tròn, và lăng trụ bát giác, các luồng gió tối đa được mặc định theo các góc của tòa nhà, tại các điểm giao thoa giữa bề mặt cản gió với các tường bên hông. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với những tòa nhà hình trụ. Như vậy, trong các tòa nhà hình ống trụ, tại các vị trí giao thoa, có thể bố trí tối đa các turbin gió, với công suất hoạt động tối đa. Ngoài ra, trong tòa nhà, bản thân các turbin gió cũng được bố trí tại những vị trí thuận lợi, để năng lượng gió làm quay các cánh quạt turbin được tận dụng một cách hiệu quả nhất.

Theo bằng sáng chế số 2012/0080884A1 của Hoa Kỳ, các luồng gió tối đa cũng được mặc định theo góc của các tòa nhà tại vị trí giao thoa giữa bề mặt cản gió với các tường bên hông của công trình.

Trong thiết kế tòa nhà cao tầng đa năng tại thành phố Kiev, để nhấn mạnh các đường nét kiến trúc, các nhà thiết kế đã đề xuất đưa các thiết bị năng lượng gió vào các hộp kính hình cầu có đường dẫn ra vào. So với bằng sáng chế số 2012/0080884A1, ưu điểm của giải pháp này là khả năng biểu đạt tối đa về mặt kiến trúc, giảm mức tiếng ồn, đồng thời giảm sự chuyển động các rung chấn bên trong tòa nhà.

Để tận dụng năng lượng mặt trời, việc ứng dụng các khối kính quang điện - bên trong có các lăng kính trong suốt và các tế bào quang điện được bố trí theo phương nằm ngang - với tính chất là tường ngăn xuyên sáng từ hướng nam, tây nam và đông nam của tòa nhà cũng được nghiên cứu. Ứng dụng này cũng cho phép gia tăng công suất sản xuất chung các dạng năng lượng thay thế.

E. Goncharova

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc & Xây dựng Nga
tháng 12/2012*

ND: Lê Minh

Khai mạc Triển lãm Quốc tế Vietbuild Hà Nội 2013

Sáng ngày 28/3/2013, tại Trung tâm Hội chợ triển lãm Việt Nam, Hà Nội đã diễn ra lễ Khai mạc Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2013.

Tham dự Lễ Khai mạc có ông Nguyễn Trần Nam - Thứ trưởng Bộ Xây dựng; lãnh đạo các Bộ Ngành TW như Bộ Khoa học & Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Văn hóa - Thể thao & Du lịch; nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng - các ông Nguyễn Mạnh Kiểm và Nguyễn Hồng Quân; lãnh đạo UBND các tỉnh; đại diện các Hội nghề nghiệp; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng Bộ Xây dựng; đại diện Đại sứ quán Trung Quốc và Séc tại Việt Nam; lãnh đạo các doanh nghiệp tham gia triển lãm và khách tham quan.

Phát biểu khai mạc, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam nêu rõ: Triển lãm lần này diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế nước nhà còn nhiều khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới; song với quy mô 1350 gian hàng của hơn 450 đơn vị, trong đó có nhiều doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp nước ngoài của 18 quốc gia trên thế giới như Thái Lan, Trung Quốc, Ý, Nhật Bản, Thụy Sĩ, Hàn Quốc..., Vietbuild đã chứng tỏ sức lan tỏa mạnh mẽ, qua đó thể hiện bước tiến của ngành Xây dựng Việt Nam thời kỳ hội nhập và đổi mới. Đây cũng là sự kiện có ý nghĩa trong dịp kỷ niệm 55 năm ngành Xây dựng Việt Nam (29/4/1958 - 29/4/2013).

Tại Lễ khai mạc, Ban tổ chức đã trao Cúp vàng và Huy chương vàng Chất lượng sản phẩm ngành Xây dựng VTOPBUILD - bất động



Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Triển lãm

sản VIETTOPRE cho các doanh nghiệp tham gia, và công bố giải thưởng Gian hàng đẹp, quy mô và ấn tượng. Các sản phẩm chủ yếu được trưng bày tại Triển lãm Vietbuild Hà Nội lần này bao gồm các dự án bất động sản, vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất, máy móc thiết bị công nghệ, hệ thống năng lượng mặt trời, các hóa phẩm và phụ kiện xây dựng, thiết bị trong ngôi nhà thông minh... Trong khuôn khổ các hoạt động triển lãm còn có các Hội thảo chuyên đề, với nội dung được giới Xây dựng rất quan tâm hiện nay.

Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2013 do Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo và bảo trợ, Công ty CP Triển lãm quốc tế thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Thông tin Bộ Xây dựng phối hợp tổ chức diễn ra trong các ngày từ 28/3 - 1/4/2013 tại Hà Nội.

Lệ Minh

Hội thảo "Xe buýt nhanh (BRT) - những thách thức và lợi thế áp dụng cho các thành phố lớn tại Việt Nam"

Ngày 11/4/2013, tại Tp.Hồ Chí Minh, Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng phối hợp với Ngân hàng Thế giới (WB) tại Việt Nam tổ chức Hội thảo "Xe buýt nhanh (BRT) - những thách thức và lợi thế áp dụng cho các thành phố lớn

tại Việt Nam" - chương trình thuộc Tiểu hợp phần III (D) Dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội. Đây là một trong ba hợp phần của Dự án được Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) thông qua WB tài trợ với nội dung cơ bản là tuyên



Toàn cảnh Hội thảo

truyền và nhân rộng mô hình BRT trên phạm vi cả nước.

Tham dự Hội thảo có ông Ajay Kumar - chuyên gia cao cấp về phát triển giao thông đô thị của WB kiêm Giám đốc Dự án phát triển giao thông đô thị tại Hà Nội; đại diện UBND và các Sở, Ban ngành liên quan của nhiều tỉnh thành trên cả nước; lãnh đạo các Hội nghề nghiệp; đại diện của các trường Đại học, các tổ chức trong nước và quốc tế quan tâm tới vấn đề giao thông đô thị của Việt Nam.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, PGS.TS. Nguyễn Hồng Tiến, Cục trưởng Cục HTKT, Bộ Xây dựng cho biết: Sự phát triển và hoàn thiện của hệ thống giao thông công cộng là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ phát triển và chất lượng cuộc sống của cư dân đô thị. Thực trạng giao thông hay ùn tắc tại nhiều thành phố lớn, đặc biệt là các thành phố của các nước châu Á, kéo theo những hệ lụy từ khói bụi, tiếng ồn đã gây nhiều trở ngại cho cuộc sống người dân, kìm hãm sự phát triển kinh tế. Để khắc phục tình trạng này, nhiều giải pháp về phát triển giao thông công cộng (GTCC) đã được đưa ra, trong đó có giải pháp tìm kiếm hoặc đưa vào sử dụng loại hình vận tải công cộng mới như hệ thống xe buýt nhanh (BRT). Theo ông, giải pháp này rất hữu hiệu do có nhiều ưu điểm, đồng thời phù hợp với những nước đang phát triển còn eo hẹp về kinh tế. Loại phương tiện này đang được nghiên cứu và sẽ được áp dụng cho Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh.

Thay mặt Ban tổ chức, ông Nguyễn Hồng Tiến đã bày tỏ sự cảm ơn đối với những hỗ trợ giúp đỡ to lớn của WB trong lĩnh vực phát triển giao thông đô thị của Việt Nam, và mong muốn qua Hội thảo, những thông tin về loại phương tiện này sẽ được cung cấp cho các nhà quản lý, nghiên cứu, tư vấn; đồng thời những cơ hội và thách thức, tiềm năng khai thác BRT tại các đô thị lớn của Việt Nam cũng sẽ được thảo luận thẳng thắn, cởi mở.

Về khả năng phát triển BRT tại các đô thị của Việt Nam, ông Ajay Kumar khẳng định: BRT là cơ hội tuyệt vời đối với phát triển bền vững. Bên cạnh đó, để phát triển giao thông công cộng trong một đô thị, ngoài tuyên truyền nhằm thay đổi tư duy của mỗi người, ý thức được việc chuyển từ sử dụng phương tiện cá nhân sang phương tiện công cộng, còn cần nhiều biện pháp đồng bộ khác như đầu tư xây dựng các tuyến xe điện ngầm, cải tạo đường cho người đi bộ... Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với những thành phố năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh như Tp. Hồ Chí Minh (nơi mà theo thống kê hiện đã có 6 triệu xe máy, dự báo trong vài năm tới con số này còn tăng gấp đôi). Khi kinh tế phát triển, mức thu nhập của người dân tăng cao thì nhu cầu về loại hình phương tiện giao thông nhanh chóng, hiện đại, tiện lợi là tất yếu.

Ban tổ chức cũng ghi nhận nhiều bài tham luận hay, có ý nghĩa thực tế tại Hội thảo như: Áp dụng mô hình BRT gắn với quản lý và phát triển đô thị tại Việt Nam - tham luận của Hiệp hội các đô thị Việt Nam; Quy hoạch các tuyến BRT trong quy hoạch GTVT Thủ đô Hà Nội - tham luận của Tổng Công ty tư vấn thiết kế GTVT (TEDI); kinh nghiệm triển khai BRT tại một số quốc gia châu Á và châu Phi - bài thuyết trình của ông Sam Zimmerman, chuyên gia giao thông đô thị của WB...

Lệ Minh

Lễ trao giải cuộc thi "Kiến trúc hiệu quả năng lượng" lần thứ Nhất

Sáng ngày 28/3/2013 tại Hà Nội, đã diễn ra Lễ trao giải cuộc thi "Kiến trúc hiệu quả năng lượng" lần thứ Nhất với sự tham dự của đại diện Bộ Công thương; Bộ Xây dựng; Trung tâm Tiết kiệm năng lượng Tp. Hồ Chí Minh; Sở Xây dựng Hà Nội; Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh; đại diện các Hiệp hội chuyên ngành. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đã đến dự, phát biểu và trao giải cho các công trình được Ban tổ chức (BTC) cuộc thi bình chọn.

Cuộc thi "Kiến trúc hiệu quả năng lượng" do Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường - Bộ Xây dựng và Trung tâm Tiết kiệm năng lượng Tp. Hồ Chí Minh phát động đã thu hút được sự tham gia của 30 hồ sơ, trong đó có 10 công trình tiêu biểu nhất được trao giải thưởng, bao gồm Công trình Anantara tại Nha Trang đã vinh dự nhận được giải Nhất; Khu nghỉ mát Six Senses Hideaway và Pananus Resort đạt giải Nhì; các giải Ba thuộc về công trình Vinpearl Resort Nha Trang, Khu nghỉ mát Mandara và Khách sạn Sunrise.

Bên cạnh đó, Ban Tổ chức cũng trao giải Tòa nhà có giải pháp thiết kế hiệu quả năng lượng cho Khách sạn Vitoria Cần Thơ, Trường Cao đẳng công nghệ Thủ Đức. Công trình Hòn Trẹm Resort & Spa đạt giải Tòa nhà có giải pháp thiết kế thân thiện môi trường; Tòa nhà Vincom Tp. Hồ Chí Minh được trao giải Tòa nhà có giải pháp kỹ thuật hiệu quả năng lượng.

Phát biểu tại Lễ trao giải, Thứ trưởng Cao Lại Quang cho biết, cuộc thi này được tổ chức nhằm mục đích tôn vinh các tác giả có công trình kiến trúc được thiết kế xây dựng theo hướng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; khuyến khích việc nghiên cứu ứng dụng và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các tòa nhà thông qua các giải pháp thiết kế, xây dựng, sử dụng các công nghệ và thiết bị hiệu quả năng lượng; khuyến khích các chủ đầu



Thứ trưởng Cao Lại Quang trao giải Nhất cho đại diện chủ công trình Tòa nhà Anantara Nha Trang

tư quan tâm nhiều hơn đến công trình thiết kế kiến trúc hướng tới sử dụng hiệu quả năng lượng; tập hợp và phổ biến các mô hình thiết kế kiến trúc hiệu quả và tiết kiệm năng lượng thành công trong cả nước.

Các công trình được trao giải là những công trình tiêu biểu, đạt điểm cao theo 5 tiêu chí đánh giá của Ban tổ chức cuộc thi. Việc tổ chức cuộc thi này thu hút sự quan tâm, khuyến khích động viên các đối tượng liên quan như chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, các nhà cung cấp thiết bị sử dụng năng lượng, người quản lý, vận hành và cả các đối tượng sử dụng công trình trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Dự kiến, sau cuộc thi này, Bộ Xây dựng sẽ nghiên cứu để tiếp tục tổ chức các cuộc thi về ý tưởng, đồ án thiết kế kiến trúc tiết kiệm năng lượng cho sinh viên các trường Đại học hay tổ chức cuộc thi thiết kế kiến trúc tiết kiệm năng lượng đối với một công trình cụ thể dành cho các kiến trúc sư, các Công ty tư vấn thiết kế kiến trúc chuyên nghiệp tham gia. Đây cũng là một nội dung mà Bộ Xây dựng được giao chủ trì thực hiện trong Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2012 - 2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Minh Tuấn

Chính sách phát triển và đặc điểm của chế độ phân phối nhà ở của các nước phát triển

Phân phối nhà ở là khâu quan trọng kết hợp giữa nhu cầu về nhà ở và khả năng cung ứng nhà ở. Một chính sách phân phối nhà ở tốt phải là chính sách đảm bảo tính khả thi trong thực hiện cũng như tính công bằng và hợp lý. Các nước phát triển đã có kinh nghiệm nhiều năm về phân phối nhà ở với các chính sách phân phối linh hoạt và đa dạng tùy theo hoàn cảnh lịch sử, địa lý và điều kiện kinh tế xã hội. Những kinh nghiệm đó có giá trị tham khảo đối với chính sách phân phối nhà ở của Trung Quốc.

1. Chính sách nhà ở của Mỹ

Mỹ là một quốc gia rộng lớn, có nhiều thành phố với điều kiện địa lý và mức độ phát triển rất khác nhau, giá đất chênh lệch rất lớn, thị trường nhà ở phân tán cao độ. Phân phối nhà ở của Mỹ lấy thị trường là chủ đạo, Nhà nước ít can thiệp. Trong việc tái phân phối nhà ở, Chính phủ Mỹ cũng dựa trên nguyên tắc kinh tế thị trường để thực hiện: hỗ trợ nhà ở cho người có thu nhập thấp; hỗ trợ tín dụng cho người có thu nhập trung bình để mua nhà ở.

Chính sách nhà ở của Mỹ bắt đầu từ sau thời kỳ "Đại suy thoái" vào những năm 1929 - 1930, khi đó tiêu chuẩn về nhà ở của người dân Mỹ còn rất thấp. Để khôi phục kinh tế, Chính phủ Mỹ lúc bấy giờ đã đẩy mạnh phát triển thị trường nhà ở, thực hiện các chính sách hỗ trợ những hộ có thu nhập trung bình giải quyết vấn đề nhà ở. Chính phủ Mỹ thiết lập chế độ cho vay thế chấp và chế độ đảm bảo, khuyến khích người dân mua nhà, sử dụng ngân sách nhà nước để xây dựng quỹ nhà ở của Nhà nước. Đến năm 1949, Quốc hội Mỹ đã thông qua "Luật Nhà ở" với mục tiêu xây dựng hàng triệu căn nhà để khắc phục tình trạng thiếu nhà ở sau chiến tranh và nâng cấp, cải tạo các khu ổ chuột, góp phần xóa bỏ phân biệt chủng tộc. Sau những năm 80 của thế kỷ XX, Chính phủ Mỹ thực hiện chính sách "Chính phủ nhỏ, thị

trường lớn", tức là giảm can thiệp đối với thị trường nhà ở, bao gồm giảm đầu tư cho phát triển nhà ở, dùng xây dựng quỹ nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, giảm trợ cấp tiền thuê nhà, thúc đẩy việc bán nhà thuộc sở hữu nhà nước; Xây dựng chế độ ưu đãi về nhà ở; Từng bước hoàn thiện chế độ tài chính nhà ở. Việc phân phối nhà ở thị trường hóa triệt để của Mỹ đã khiến nhiều người không thể mua được nhà ở trên thị trường, và về sau Chính phủ Mỹ lại phải trợ cấp cho họ để họ có nhà ở. Từ việc phân phối nhà ở thị trường hóa, Mỹ đã dần dần trở thành quốc gia có điều kiện về nhà ở tốt nhất trên thế giới.

Về vấn đề phát triển thị trường nhà ở của Mỹ, điều quan trọng nhất là việc hoàn thiện chế độ tài chính nhà ở. Chính phủ Mỹ trợ cấp nhà ở cho người dân phần nhiều là thông qua các công cụ tài chính. Tại Mỹ, có rất nhiều tổ chức tài chính nhà ở, bao gồm: Quỹ Thế chấp nhà ở liên bang; Công ty thế chấp cho vay mua nhà liên bang... Những sản phẩm tài chính có liên quan đến bất động sản vô cùng phong phú, bao gồm thị trường cấp 1, thị trường cấp 2 và tín thác bất động sản. Nhưng rất nhiều sản phẩm tài chính nhà ở cũng đưa ra yêu cầu cao hơn đối với quản lý giám sát của Chính phủ, tăng nguy cơ gây ra khủng hoảng tài chính.

Chính phủ can thiệp gián tiếp trong việc bảo đảm nhà ở cho người có thu nhập trung bình và thấp là chủ yếu, trợ cấp tiền thuê nhà ở là hình thức bảo hộ cơ bản. Trợ cấp tiền thuê nhà thấp hơn so với chi phí hành chính của nhà ở công cộng, thực hiện linh hoạt nhanh gọn hơn, dùng ít tiền hơn để cung cấp cho nhiều gia đình hơn; Đồng thời những gia đình được hỗ trợ về nhà ở có thể chọn một căn hộ thích hợp với mình trên thị trường, từ đó có thể tránh được một số vấn đề như khoảng cách đến nơi làm việc xa, môi trường của khu nhà ở công cộng kém, dễ hình thành lên khu dân cư nghèo... Đối với người

mua nhà, người mua căn nhà đầu tiên sẽ có một ưu đãi nhất định như các ưu đãi về thuế, còn với người mua căn nhà thứ hai thì không được hưởng các ưu đãi này.

2. Chính sách nhà ở của CHLB Đức

Sau thất bại tại Chiến tranh Thế giới lần thứ II, CHLB Đức rơi vào tình trạng rất khó khăn về nhà ở, do 70 - 80% nhà ở đã bị chiến tranh tàn phá. Thời kỳ đầu sau chiến tranh, nước Đức phải áp dụng chế độ cung cấp nhà ở theo kế hoạch. Để cải thiện tình trạng thiếu hụt nhà ở nghiêm trọng, nước Đức tiến hành chính sách phát triển "nhà ở xã hội" là chủ yếu. Chính phủ Đức thực hiện hỗ trợ đầu tư, cấp đất, hỗ trợ tín dụng và ưu đãi về thuế đối với các dự án xây dựng "nhà ở xã hội". Đối với nhà ở xã hội, Chính phủ thực hiện khống chế tiền thuê nhà, quy định đối tượng thuê nhà. Vào thập niên 1950, số lượng nhà ở xã hội chiếm khoảng 50% tổng số nhà ở được hoàn thành xây dựng tại nước này. Đến thập niên 1960, nhằm nâng cao tỷ lệ sở hữu nhà ở, Chính phủ Đức đã thực hiện chính sách hỗ trợ người dân tự xây nhà ở, bãi bỏ chế độ kiểm soát tiền thuê nhà, đồng thời tiến hành hỗ trợ về nhà ở đối với những người có thu nhập trung bình và thấp. Nhưng hiệu quả của quá trình triển khai những chính sách về phát triển nhà ở thuộc sở hữu tư nhân của nước Đức lại không được tốt. Đến sau những năm 90 ngoài việc tiếp tục hỗ trợ xây dựng nhà ở và hỗ trợ tiền thuê, CHLB Đức còn hỗ trợ những người tham gia quỹ tiết kiệm nhà ở và cơ cấu tài chính, đồng thời tiếp tục tăng cường xây dựng nhà ở xã hội.

Chính sách phân phối nhà ở của nước Đức có sự can thiệp đồng thời của Nhà nước và thị trường. Chính phủ Đức tiến hành song song hai chế độ hỗ trợ về xây dựng nhà ở và hỗ trợ nhà ở cho thuê, hai loại hỗ trợ này được coi trọng như nhau, nhằm tăng thêm lượng cung nhà ở và tăng cả nhu cầu nhà ở của người dân, sau đó thông qua cơ chế thị trường phân bổ nhà ở tới người dân. Chính phủ Đức thực hiện chính

sách ưu đãi và khen thưởng đối với cá nhân và tập thể tham gia vào Quỹ tiết kiệm nhà ở, cơ cấu hỗ trợ quỹ tiết kiệm nhà ở phổ biến chọn dùng hệ thống công ty, trong lĩnh vực tài chính tích hợp giữa cơ chế thị trường vốn và viện trợ nhà ở.

Thị trường nhà ở của nước Đức rất minh bạch. Pháp luật của Đức rất hoàn thiện, Nhà nước đứng ra bảo vệ lợi ích của người thuê nhà thông qua "Luật về giá nhà ở cho thuê" (tại Đức không có tình trạng tùy tiện định giá cho thuê nhà); "Luật môi giới nhà đất" (quy định về hoạt động môi giới, thống nhất phí môi giới). Để nâng cao mức độ minh bạch của giá thuê nhà các thành phố ở Đức đã quy định bảng giá thuê nhà thống nhất. Bảng giá này quy định khung giá thuê nhà cho từng khu vực, từng loại chất lượng nhà ở của thành phố, chủ nhà và người thuê có thể căn cứ vào quy định của bảng giá này để thương lượng giá cả. Kinh nghiệm của Đức cho thấy nếu Chính phủ có những quy định cụ thể về thị trường nhà đất thì có thể nâng cao hiệu suất phân phối tài nguyên của thị trường, bảo vệ lợi ích của nhóm người nghèo.

3. Chính sách nhà ở của Nhật Bản

Sau Chiến tranh Thế giới thứ II, Nhật Bản thiếu nhà ở trầm trọng. Lúc đầu, Chính phủ Nhật Bản thực hiện chính sách nhà ở để tăng nguồn cung về nhà ở cho người dân, thời gian sau tập trung cho việc nâng cao chất lượng nhà ở. Tuy nhiên, sau chiến tranh, Nhật Bản đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, dẫn đến tình trạng dân cư tập trung đông đúc tại các thành phố, khiến cho giá nhà, đất tại các thành phố rất cao, vì vậy, diện tích nhà ở tại các thành phố của Nhật Bản khá thấp, với nhà ở thương mại khoảng 80 m², còn nhà ở cho thuê bình quân chỉ 50 m².

Trong thời kỳ đầu sau chiến tranh, chính sách nhà ở của Nhật Bản chú trọng việc tăng cung nhà ở cho các hộ chưa có nhà. Đối với những người có thu nhập cao, Chính phủ Nhật cung cấp tín dụng, và ưu đãi cho vay dài hạn

với lãi suất thấp để khuyến khích người dân mua nhà ở trên thị trường. Người có thu nhập trung bình và thấp được đăng ký mua nhà ở xã hội do Nhà nước xây dựng từ nguồn vốn ngân sách Trung ương và địa phương. Bắt đầu từ thập niên 1960, Chính phủ Nhật Bản thực hiện các Kế hoạch 5 năm về phát triển nhà ở, nhằm tăng diện tích nhà ở bình quân cho các hộ dân, nhưng do chịu ảnh hưởng về giá nhà, đất tăng cao từ sau những năm 1980 mà hiệu quả của Chính sách này không rõ. Đối diện với suy thoái kinh tế thế giới sau những năm 1980, Chính phủ Nhật Bản phát triển ngành bất động sản để kích cầu trong nước, tốc độ phát triển của ngành bất động sản, trong ba thành phố lớn dưới bối cảnh điều chỉnh kết cấu của các ngành sản xuất, đã làm tăng mật độ dân cư, khiến giá nhà đất tăng cao, rủi ro đầu cơ nhà đất dẫn đến bong bóng bất động sản nghiêm trọng.

Chế độ phân phối nhà ở của Chính phủ Nhật Bản luôn coi trọng tác dụng của thị trường, nhưng cũng chú trọng việc phân phối nhà ở có tính đảm bảo. Đối với việc phát triển nhà ở xã hội, các luật như "Luật Kinh doanh nhà ở thuộc sở hữu nhà nước", "Luật cơ cấu tái sinh nhà ở đô thị của Nhật Bản" thể hiện sự hỗ trợ của Chính phủ đối với người có thu nhập trung bình và thấp. Nhưng phát triển nhà ở của Nhật Bản cũng tồn tại một số vấn đề nổi bật, diện tích nhà ở của người Nhật cho đến nay vẫn rất nhỏ, một căn hộ trong thành phố tuy có diện tích xây dựng chỉ vào khoảng 50 đến 60 m² nhưng tiền thuê lại rất cao. Một phần là do điều kiện khách quan người Nhật thì đông mà diện tích lãnh thổ lại nhỏ, mặt khác là do chính sách về nhà ở có liên quan của Chính phủ nước này. Chính phủ Nhật Bản quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư của thị trường bất động sản chưa hiệu quả, người đầu tư tích trữ một lượng lớn đất đai (đầu cơ), khiến cho thị trường cung vượt quá cầu. Chính sách tái phân bố nhà ở của Chính phủ cũng tương đối yếu, thiếu chính sách hỗ trợ nhà ở đối với nhóm người có thu nhập trung bình và

thấp, lượng nhà ở công cộng xây dựng tương đối ít. Nhật Bản triển khai xây dựng nhà ở thương mại từ rất sớm nhưng cung vẫn luôn không đủ cầu.

4. Chính sách nhà ở của Singapore

Singapore là một quốc gia có mật độ dân số rất cao, sau khi thành lập nước vào năm 1959, tình trạng thiếu hụt nhà ở là một trong những vấn đề nổi bật nhất. Do đó Chính phủ nước này đã thành lập Cục phát triển nhà ở (HDB). Tiền vốn xây dựng nhà ở của HDB một phần do ngân sách nhà nước cấp, một phần được trích từ Quỹ tiết kiệm nhà ở của người lao động.

Căn cứ vào hoàn cảnh của từng hộ gia đình, Chính phủ Singapore sẽ có những ưu đãi khác nhau, căn hộ càng nhỏ thì ưu đãi được hưởng càng nhiều. Thông thường người mua nhà chỉ phải thanh toán 20% giá trị của căn hộ, phần còn lại có thể dùng vốn tích lũy chung để thanh toán hết trong vòng 5, 10 hoặc 25 năm. Để đảm bảo tính công bằng trong phân phối nhà ở, Chính phủ Singapore đã không ngừng cải tiến phương thức phân phối. Lúc đầu, HDB phân phối nhà căn cứ vào số điểm đạt được của các hộ gia đình khi đăng ký mua nhà, tuy nhiên việc chấm điểm chỉ mang tính chủ quan. Do đó HDB đã chuyển sang sử dụng phương pháp xếp thứ tự, người đăng ký trước thì được mua nhà trước với điều kiện người đăng ký mua nhà phải đặt cọc một khoản nhất định để lấy số đăng ký. Từ sau năm 1974, việc phân phối nhà ở được thực hiện theo phương thức phân chia khu vực đăng ký, nhưng hình thức này khiến cho người đăng ký không phải lúc nào cũng nhận được căn hộ hợp với nguyện vọng của họ. Trong giai đoạn 1992 - 1994, Singapore thực hiện cải tiến chế độ bốc thăm để bảo đảm công bằng cho người đăng ký bằng cách sử dụng kỹ thuật máy tính nâng cao tỉ lệ trúng thăm của người đăng ký lần đầu và người bốc thăm nhiều lần nhưng không trúng. Ngoài những phương pháp trên, đối với những người nhiều lần đăng ký mua nhà không được, HDB cho phép họ

được trực tiếp chọn mua nhà đã xây xong trước khi nhà đó được đưa vào giao dịch. Sau năm 1971, Chính phủ quy định điều kiện chuyển nhượng nhà ở xã hội, theo đó, người mua nhà phải cư trú trong một thời gian nhất định thì mới có thể chuyển nhượng. Thời kỳ đầu Chính phủ thu thuế chuyển nhượng, nhưng đến năm 1985 đã bãi bỏ việc thu thuế này. Bước sang đầu thế kỷ XXI, Chính phủ Singapore đã cho phép tư nhân phát triển và kinh doanh nhà ở thương mại theo cơ chế thị trường để thỏa mãn nhu cầu về nhà ở ngày càng cao của người dân Singapore.

Chính phủ Singapore đã thực hiện hiệu quả cơ chế phân phối nhà ở dựa theo tình trạng nguồn cung nhà ở trong từng giai đoạn. Hiện nay diện tích nhà ở bình quân của Singapore là hơn 25 m²/người.

Kết luận

Chế độ phân phối nhà ở của các nước nói trên có nhiều khác biệt. Tại Mỹ, nhà ở được phân phối tự do trên thị trường. Nhật Bản và

Đức sử dụng song song hai chế độ phân phối, chế độ thị trường và chế độ có sự can thiệp của Nhà nước, trong khi đó, Singapore chủ yếu dựa trên sự phân phối của Nhà nước. Những kinh nghiệm đó cho thấy, việc phân phối nhà ở phải dựa trên điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước để có những phương thức phân phối đảm bảo hiệu quả và công bằng.

Chính sách phân phối nhà ở của các nước phát triển nói trên có một số điểm tương đồng, đó là: Hệ thống pháp luật liên quan của họ rất hoàn thiện; chú trọng đến tính minh bạch của thông tin về nhà ở; đa dạng hóa chủ thể tham gia thị trường nhà ở, bao gồm Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức, nghiệp đoàn và người dân.

Giả Tinh

Hội nghiên cứu bất động sản của Trung Quốc
Nguồn: Tạp chí xây dựng đô thị số 10/2012

ND: Khánh Ly

Những vấn đề trong quản lý hiệu quả môi trường nông thôn mới ở Trung Quốc

Cùng với tiến trình nhất thể hóa thành thị - nông thôn và sự tiến bộ trong xây dựng, các địa phương trên cả nước đang phát triển một môi trường nông thôn mới, sinh thái và thân thiện với môi trường, đặc biệt là vấn đề xây dựng công trình xử lý rác thải. Quản lý hiệu quả môi trường nông thôn chính là quản lý hệ thống đường giao thông nông thôn, hệ thống sông ngòi, cây xanh, thu gom và xử lý rác thải, mỗi hạng mục quản lý đều cần phải có tiêu chuẩn và yêu cầu cụ thể. Tuy nhiên đối với quản lý hiệu quả và dài hạn thì 4 vấn đề nêu trên cần phải có kế hoạch thực hiện dài hạn.

“4 vấn đề trong nhất thể hóa nông thôn” thực hiện cải thiện căn bản môi trường nông thôn

Quản lý hiệu quả và lâu dài môi trường nông thôn được thể hiện qua 4 phương diện sau: Một

là quản lý và bảo vệ hệ thống đường giao thông nông thôn. Đường giao thông ở nông thôn thường được người dân tận dụng để phơi rơm rạ, thậm chí là đổ rác thải xây dựng và chất thải trong sản xuất nông nghiệp ra đường, chính vì thế hệ thống cống rãnh thoát nước mưa cũng bị ảnh hưởng, mặt đường, vỉa hè, mặt cầu không được làm sạch thường xuyên, vỉa hè lòng đường bị lồi lõm, sụt lún, cây xanh hai bên đường cũng không được chăm sóc cẩn thận, vì thế cần phải có biện pháp mạnh để bảo quản đường giao thông nông thôn, có quy định rõ ràng về sử dụng đường giao thông và yêu cầu đơn vị bảo trì bảo dưỡng đường có trách nhiệm định kỳ bảo dưỡng ít nhất là 95% diện tích mặt đường giao thông trong khu vực. Hai là quản lý và bảo vệ hệ thống sông ngòi. Đường bao 2 bên bờ sông và kênh rạch cần được làm sạch,

mặt nước và lòng sông, lòng kênh cần được thường xuyên nạo vét và vớt rác thải, không để bèo tấm bao phủ mặt sông, mặt kênh. Đặc biệt cơ quan chức năng phải có quy định quản lý rõ ràng với việc xả thải của khu công nghiệp, khu vực xây dựng, khu sản xuất nông nghiệp; nước thải sinh hoạt và nước thải ô nhiễm của khu công nghiệp phải qua xử lý mới được xả ra sông, ngòi. *Ba là* việc quản lý cây xanh ở khu vực nông thôn. Thường thì vành đai xanh tập trung ở khu vực nông thôn, chính vì thế hệ thống cây xanh cần được chăm sóc cẩn thận, đặc biệt là những cây lấy gỗ lâu năm, thường xuyên phun thuốc trị sâu bệnh, trồng xen kẽ cây tán rộng với cây bụi nhỏ, nghiêm cấm hành vi phá hoại hay khai thác cây lấy gỗ bừa bãi. *Bốn là* vấn đề thu gom và xử lý rác thải. Thực hiện xử lý rác thải theo mô hình hệ thống thu gom - vận chuyển - xử lý rác thải từ làng đến thị trấn đến huyện, rác thải sinh hoạt ở nông thôn được thu gom rồi nén lại thành khối, đóng vào thùng rồi vận chuyển đến nhà máy xử lý rác thải (hoặc bãi rác tập trung).

Việc quản lý lâu dài và hiệu quả 4 vấn đề kể trên của môi trường nông thôn chính là tiêu chuẩn để phát triển nông thôn mới, và cũng là yếu tố căn bản làm thay đổi bộ mặt nông thôn Trung Quốc hiện nay.

Tăng cường kiểm tra, quản lý lâu dài và hiệu quả

Yếu tố căn bản để làm nên mô hình quản lý hiệu quả lâu dài môi trường nông thôn chính là “Quản lý nhất thể hóa trên mọi phương diện”, đặc biệt là vấn đề rác thải nông thôn.

Cụ thể, chính quyền địa phương phải xác định được tiêu chuẩn xử lý rác thải tại khu vực quản lý, xác định khối lượng rác thải thu gom và xử lý theo ngày, lập kế hoạch theo dõi kiểm tra định kỳ, quản lý và theo dõi việc thu gom và làm sạch môi trường của nhân viên vệ sinh môi trường; Lên kế hoạch định kỳ nạo vét lòng sông, kênh, rạch, sửa chữa bảo dưỡng đường nông thôn, chăm sóc cây xanh và phòng chống

dịch bệnh theo mùa cho cây, với mỗi công việc cụ thể cần xác định rõ chi phí, có kế hoạch chi tiêu hợp lý, những đơn vị chuyên trách có trách nhiệm báo cáo công việc và nguồn chi rõ ràng cho lãnh đạo cấp trên.

Ngoài ra mỗi địa phương cũng cần phải có bộ máy tổ chức quản lý chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đồng thời xử phạt những hành vi vi phạm gây thiệt hại cho địa phương về đường sá, sông ngòi, cây xanh, hoặc vớt rác thải bừa bãi, đặc biệt là kiểm tra chặt chẽ quy trình xử lý nước thải, rác thải của khu công nghiệp và khu sản xuất. Việc quản lý môi trường nông thôn có đạt được hiệu quả hay không phụ thuộc vào biện pháp quản lý cụ thể của từng địa phương và công tác thanh kiểm tra của các ban ngành có liên quan. Chỉ cần kiên trì và duy trì tốt hệ thống quản lý theo quy chuẩn thì mục đích cải tạo nông thôn ngày một đẹp hơn, sạch hơn, đời sống của người nông dân được nâng cao hơn là điều hoàn toàn có thể đạt được trong tương lai không xa.

Quy tắc đánh giá công tác quản lý môi trường nông thôn có đạt hiệu quả hay không dựa trên 3 điểm: *Một là* ý thức làm việc của nhân viên vệ sinh môi trường ở địa phương và người quản lý, 1 tháng đánh giá kiểm điểm 1 lần; *Hai là* thị trấn, xã có trách nhiệm với việc quản lý và chi ngân sách cho hoạt động vệ sinh môi trường không, công việc này thực hiện theo quý (3 tháng đánh giá 1 lần); *Ba là* thành phố, huyện kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng môi trường nông thôn, chủ yếu là đánh giá tình hình tổng thể và kế hoạch quản lý dài hạn. Dựa vào việc đánh giá theo 3 quy tắc này, lãnh đạo địa phương có thể nắm bắt được tình hình quản lý thực tế, hiệu quả của công tác quản lý và điều chỉnh nguồn chi ngân sách hợp lý cho từng khu vực.

Điều kiện tiên quyết để quản lý hiệu quả và dài hạn

Để thực hiện được việc quản lý hiệu quả và dài hạn “4 vấn đề trong nhất thể hóa nông thôn”

cần phải có 3 điều kiện sau: *Thứ nhất* là xác định chủ thể thực hiện công tác quản lý tại địa phương. Giao thông nông thôn, quản lý và bảo vệ hệ thống sông ngòi, xanh hóa nông thôn, thu gom và xử lý rác thải là 4 vấn đề cần có 4 đơn vị chức năng khác nhau quản lý, căn cứ vào nguyên tắc quản lý nhất thể hóa yêu cầu các bộ phận chức năng chịu trách nhiệm thiết lập đơn vị chuyên trách từng vấn đề, có người đứng đầu quản lý và có cơ cấu hoạt động rõ ràng, có quyền hạn, thống nhất quản lý, thống nhất tiêu chuẩn, thống nhất kinh phí, và xác định nguồn thu cho địa phương (nếu có). *Hai* là cần phải có một hệ thống vận hành hoàn chỉnh. Bốn đơn vị quản lý 4 lĩnh vực khác nhau thì sẽ có quy tắc và phương pháp hoạt động riêng, tuy nhiên cũng cần có sự phối hợp giữa các đơn vị trong việc quản lý và giám sát công việc, và cần có sự tham gia và ủng hộ của người dân cũng như các doanh nghiệp sản xuất. *Ba* là vấn đề kinh phí hoạt động. Tại khu vực thị trấn, làng xã thì hệ thống xử lý rác thải còn thô sơ, kinh phí đầu tư thấp, chủ yếu là chôn lấp rác thải, có nhiều

loại rác không thể phân hủy cũng không được qua xử lý, để lâu sẽ ảnh hưởng đến môi trường, thậm chí sẽ ảnh hưởng cả đến nguồn nước ngầm, nước sông ngòi. Vì thế, cần có kinh phí đầu tư thích hợp cho làng, xã để chính quyền địa phương có đội ngũ làm vệ sinh môi trường chuyên nghiệp, có thiết bị thu gom rác và xây dựng cơ sở xử lý rác thải ngay tại địa phương. Công tác quản lý cây xanh, nạo vét sông ngòi, bảo trì đường thôn, xóm cũng mất khoản chi phí không nhỏ, vì thế chính quyền địa phương cũng cần có kế hoạch chi tiêu ngân sách để bổ sung thêm thiết bị phục vụ cho công việc như máy cắt cỏ, thuyền, xe tưới nước... Ngân sách nhà nước cấp có hạn, do đó để có đủ chi phí cho mọi hoạt động của địa phương thì lãnh đạo cần có biện pháp quản lý chặt chẽ, đồng thời kêu gọi sự hỗ trợ của doanh nghiệp.

Quách Hiểu Đông

Nguồn: <http://www.chinajsbcn>

ND: Quỳnh Anh

Trung Quốc: 35 thành phố công bố mục tiêu kiểm soát giá nhà ở, tỷ lệ gia tăng dự kiến không vượt quá 10%

Quốc vụ viện Trung Quốc yêu cầu ngoài thủ phủ khu tự trị Tây Tạng là thành phố Lhasa, các thành phố trực thuộc tỉnh và thành phố kế hoạch độc lập (gồm 5 thành phố: Đại Liên, Thanh Đảo, Ninh Ba, Hạ Môn, Thâm Quyển) phải công bố mục tiêu kiểm soát giá nhà ở năm 2013 vào Quý I của năm. Cho đến ngày 01/4/2013, 35 thành phố đã công bố mục tiêu kiểm soát giá nhà ở năm 2013, các mục tiêu về cơ bản là thống nhất: Mức tăng giá nhà năm 2013 thấp hơn mức tăng thực tế bình quân thu nhập đầu người. Tin tức trong ngành cho thấy, điều này có nghĩa năm nay giá nhà ở trong toàn Trung Quốc tăng ổn định, mức tăng tại các thành phố dự kiến sẽ không vượt quá 10%.

Tình hình tại 35 thành phố

Ngoài thành phố Lhasa ra, tổng cộng có 35 thành phố trực thuộc tỉnh và thành phố kế hoạch độc lập. Cho đến ngày 01/4/2013, toàn bộ 35 thành phố đều đã công bố mục tiêu kiểm soát giá nhà ở năm 2013.

Vào đầu tháng 3/2013, Thứ trưởng Bộ Xây dựng nhà ở và đô thị nông thôn Trung Quốc Tế Ký cho biết, các địa phương sẽ điều chỉnh các quy tắc chi tiết và ban hành vào cuối tháng 3. Tuy nhiên, ngoài các thành phố như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Thâm Quyển, Thanh Đảo, Ninh Ba, Trùng Khánh... ban hành các quy tắc điều tiết kiểm soát khá chi tiết ra, phần lớn các thành phố khác chỉ công bố mục tiêu kiểm soát giá nhà ở quy định trong "Năm điều làm mới quốc gia", đồng thời chưa đề cập

tới các biện pháp điều tiết kiểm soát khác. Nhìn chung, mục tiêu kiểm soát giá nhà ở của 35 thành phố là tương đồng: Tỷ lệ tăng giá nhà ở năm 2013 thấp hơn tỷ lệ tăng thực tế thu nhập bình quân đầu người. Hai thành phố Thanh Đảo và Tây An còn dùng từ “thấp hơn rõ rệt” trong cách biểu đạt của mình.

Vấn đề mà đa số người dân quan tâm là “20% thuế” trong giao dịch nhà ở đã qua sử dụng sẽ thi hành ra sao, lần chi trả đầu tiên cho ngôi nhà thứ 2 có nâng cao không, phạm vi mua bán có được mở rộng không..., thì lại chưa được các thành phố đưa ra những quy định rõ ràng. Một thành viên Hiệp hội Bất động sản Trung Quốc cho biết: “Tổng cục Thuế Nhà nước và các Ngân hàng Trung ương không có ý kiến chỉ đạo, các thành phố vẫn duy trì những chính sách đã có đối với việc thu thuế và lãi suất thế chấp. Ngoài ra, giới hạn mua bán cũng không căn cứ yêu cầu của “Năm điều làm mới quốc gia” để thực hiện trên toàn bộ các khu vực hành chính.”

Các quy tắc chi tiết điều tiết kiểm soát bất động sản tại các địa phương thường thấp hơn sự kỳ vọng của thị trường, cổ phiếu bất động sản tại thị trường Cấp II ngày 01/4/2013 biểu hiện khá sôi động.

Tỷ lệ tăng có hy vọng được kiểm soát ở mức dưới 10%

So với trước đây, mục tiêu kiểm soát giá nhà ở của các địa phương năm nay có 2 biến đổi: *Một là*, trong chỉ tiêu giá nhà, không có nhà ở xã hội, đường hướng càng rõ ràng hơn; *Hai là*, trong mức tăng thu nhập của người dân, khấu trừ nhân tố vật giá gia tăng, lấy tỷ lệ tăng thực tế làm tiêu chuẩn.

Tuy mục tiêu kiểm soát có cụ thể hơn nhưng đà tăng giá nhà ở vẫn không thể bỏ qua. Một chuyên gia nghiên cứu bất động sản cũng cho biết: “Những năm gần đây, tỷ lệ tăng thực tế thu nhập bình quân đầu người tại các địa phương ngày càng cao, căn cứ các mục tiêu kiểm soát giá nhà ở của các địa phương và số liệu trong

báo cáo công tác Chính quyền các địa phương, năm nay tỷ lệ tăng giá nhà ở tại không ít thành phố dự kiến sẽ kiểm soát ở mức dưới 10%.”

Theo số liệu của Cục Thống kê thành phố Hàng Châu, năm 2012, thu nhập bình quân đầu người tại khu vực thành phố Hàng Châu đạt 37.511 NDT, tăng 10,1% so với năm trước, 7 năm liên tiếp duy trì tăng trưởng với 2 con số, không tính nhân tố vật giá gia tăng thì tăng trưởng thực tế là 7,4%. Theo Báo cáo Công tác của Chính quyền thành phố Hàng Châu ngày 19/2/2013, năm 2013 mục tiêu tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người tại thành phố Hàng Châu là trên 11%; mức tăng giá cả tiêu dùng của người dân kiểm soát trong khoảng 3,5%; năm 2013 mức tăng thực tế thu nhập bình quân đầu người tại thành phố Hàng Châu ít nhất là 7,5%. Như vậy, mức tăng giá nhà ở của Hàng Châu phải ít hơn 7,5%. Theo số liệu mới nhất, thành phố Hàng Châu (bao gồm Du Hàng, Tiêu Sơn) giá giao dịch bình quân nhà ở thương mại mới xây là 15.183 NDT/m². Trả lời phỏng vấn của báo Chứng khoán Trung Quốc, nhà phân tích thuộc Viện Nghiên cứu chỉ số - Phân viện Hàng Châu cho biết: “Giả sử với tỷ lệ tăng thu nhập 7,5%, chỉ có 2.813 NDT, tỷ lệ tăng giá nhà ở là 7,5%, một căn hộ 2 phòng 85 m² sẽ có giá 100 nghìn NDT.”

Báo cáo Công tác của Chính quyền thành phố Trịnh Châu cho thấy, thu nhập bình quân đầu người tại thành phố Trịnh Châu là 24.246 NDT, tăng trưởng 12,2%, tỷ lệ tăng chỉ số giá tiêu dùng người dân là 2,7%; năm 2013, tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người trong thành phố là khoảng 12%. Một giám đốc kinh doanh bất động sản dự tính: “Theo mức tăng vật giá cao hơn một chút với so dự đoán năm ngoái, tỷ lệ tăng giá nhà ở năm nay của Trịnh Châu sẽ ở mức 8,5 - 9%.” Còn theo số liệu công bố của Cục Quản lý bất động sản và nhà ở xã hội thành phố Trịnh Châu, tháng 12/2012, bình quân giá nhà ở thương mại khu vực thành phố Trịnh Châu là 6.928 NDT/m², mỗi một m²

đều tăng 1.129 NDT so với tháng 1/2012, tỷ lệ tăng đạt 16,3%. Nếu dựa theo dự tính tỷ lệ tăng giá nhà ở 8,5 - 9% thì trong năm nay giá nhà ở khu vực thành phố Trịnh Châu sẽ đạt tới 7.500 NDT/m² trở lên.

Báo cáo Công tác của Chính quyền thành phố Nam Ninh năm 2013 cho thấy, năm 2012, thu nhập bình quân đầu người tại thành phố Nam Ninh là 22.561 NDT, tỷ lệ tăng trưởng 12,78%, tổng mức tăng chỉ số giá tiêu dùng người dân là 2,9%; năm 2013 tỷ lệ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người tại thành phố là 12%, tổng mức tăng chỉ số giá tiêu dùng người dân kiểm soát trong khoảng 4%. Điều này cho thấy, năm nay, mức tăng giá cả nhà ở thương mại tại thành phố Nam Ninh có lẽ thấp hơn 8%. Theo số liệu thống kê của CRIC (China Real Estate Information Corporation), giá cả giao dịch bình quân cho nhà ở thương mại tại thành phố Nam Ninh là 7.682 NDT/m². Theo mức tăng 8%, giá nhà ở tại thành phố Nam Ninh năm nay sẽ đạt tới 8.300 NDT/m².

Mấu chốt là ở thực thi nghiêm chỉnh

Các địa phương quy định “tỷ lệ tăng giá nhà ở thấp hơn tỷ lệ tăng thực tế thu nhập bình quân đầu người tại thành phố, thị trấn”, tuy nhiên đại đa số thành phố lại không xác định rõ biện pháp cụ thể để hoàn thành mục tiêu này, hơn nữa, nếu không hoàn thành nhiệm vụ thì liệu có phải chịu trách nhiệm.

Giới trong ngành cho biết, những mục tiêu trên có đạt được hay không, quan trọng phải xem trong thao tác thực tế Chính quyền các địa phương thực thi nghiêm chỉnh tới đâu. Xét một cách toàn diện, bộ phận thành phố đã công bố quy tắc chi tiết thực thi điều tiết kiểm soát giá nhà ở, về cơ bản khẳng định nội dung của “Năm điều làm mới quốc gia”.

Phó chủ tịch, tổng giám đốc Vanke Bắc Kinh, Mao Đại Khánh, cho biết: Vanke chủ yếu thực hiện các nhà ở vừa và nhỏ, do đó ảnh hưởng của việc điều tiết kiểm soát ảnh hưởng không lớn đối với công ty.

Trước khi “Năm điều làm mới quốc gia” ra đời, các doanh nghiệp nhà ở đã trải qua một đợt khủng hoảng tài chính. Chỉ riêng tháng 1/2013, đã có 17 công ty bất động sản thông qua kênh tài chính hải ngoại và tập trung khoảng 42 tỷ NDT, quy mô tài chính đã vượt quá một nửa so với tổng lượng tài chính hải ngoại của các doanh nghiệp nhà ở trong nước trong cả năm 2012.

Một số doanh nghiệp nhà ở trong tháng 3/2013 phải trì hoãn thúc đẩy bất động sản do các địa phương chưa đưa ra những quy tắc chi tiết, hiện tại, đã bắt đầu đẩy nhanh tốc độ bất động sản, dự tính trong tháng 4/2013, lượng cung ứng thị trường sẽ gia tăng với mức độ khá lớn. Trả lời phỏng vấn của báo Chứng khoán Trung Quốc, chuyên gia của một doanh nghiệp nhà ở lớn tại Quảng Châu cho biết, các quy tắc thực thi chi tiết của các địa phương ra đời sẽ không làm ảnh hưởng lớn tới việc tiêu thụ của toàn bộ thị trường bất động sản, tháng 3 và tháng 4 luôn là mùa bận rộn để thúc đẩy bất động sản, nhìn từ lượng tiêu thụ của 2 tháng trước có thể thấy lượng tiêu thụ trong Quý I chắc chắn sẽ cao hơn năm ngoái.

Trong báo cáo được công bố bởi nhiều công ty môi giới cho thấy, năm 2013, áp lực tài chính của các doanh nghiệp nhà ở đã có chuyển biến tốt so với năm 2012, hơn nữa, áp lực tiền của và vật tư tồn kho cũng được giảm nhẹ nhờ cơn sốt trong năm ngoái, vì vậy có thể dự tính, năm 2013, áp lực về giá cả nhà ở của các doanh nghiệp không lớn, dự kiến về doanh thu trượt dốc cũng không đáng kể.

Diêu Hiền Kiệt

*Nguồn: <http://epaper.cs.com.cn>
(Báo Chứng khoán Trung Quốc)*

ngày 3/4/2013)

ND: Kim Nhạn

“Căn bệnh” của các thành phố lớn ở Trung Quốc

“Cải thiện chất lượng môi trường, bảo đảm sức khỏe cho người dân, dùng hành động thực tế cho người dân thấy tương lai tươi sáng”. Qua 2 kỳ đại hội toàn quốc, trong báo cáo công tác của Chính phủ Trung Quốc đã chỉ rõ, ban ngành các cấp phải quyết tâm xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường, ô nhiễm đất, nước, không khí để đảm bảo đời sống cho người dân. Đồng thời Chính phủ cũng quan tâm đến lộ trình phát triển của các thành phố lớn, cần phải mạnh mẽ hơn trong việc quy hoạch không gian của các thành phố lớn và thành phố mới cho phù hợp.

Sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế kéo theo áp lực về dân số, môi trường, an ninh xã hội, những điều này đã khiến cho các thành phố lớn của Trung Quốc phải đối mặt với một loạt các vấn nạn như tắc đường, ô nhiễm, khủng hoảng lương thực, việc làm, nhà ở...

Thành phố càng phát triển có phải là càng tốt không?

Xây dựng nên những đô thị lớn tầm cỡ quốc tế liệu có phù hợp với thực tế của Trung Quốc hiện nay hay không? Rốt cuộc thì Trung Quốc cần có bao nhiêu đô thị tầm cỡ quốc tế mới là đủ? Một số đại biểu quốc hội cho rằng, trong mấy năm gần đây, Chính phủ Trung Quốc dường như chưa có biện pháp mạnh và rõ ràng để quản lý quy hoạch xây dựng của các thành phố, chính vì thế, một số địa phương đang mở rộng việc phát triển xây dựng theo xu thế “Quốc tế hóa đô thị”, mù quáng ảo tưởng xây dựng nên đô thị mạng tầm cỡ quốc tế chỉ đem đến những vấn đề nghiêm trọng hơn như mất đất canh tác, trồng trọt, không còn bóng dáng của làng nghề truyền thống, nợ Chính phủ ngày càng tăng... Khi Trung Quốc tiến hành công cuộc đô thị hóa nông thôn đã vấp phải nhiều vấn đề, đặc biệt là về quy hoạch nhà ở, đường sá, tài nguyên, lương thực, cơ sở vật chất hạ tầng thì dang dở, đất ở khu vực ngoại ô thì sử dụng một cách bừa bãi cho các dự án, kiến trúc không đồng nhất, xây dựng không phép, trái

phép phổ biến... Tất cả những vấn đề này cho đến nay vẫn chưa được xử lý triệt để, bài học kinh nghiệm tuy nhiều nhưng chưa thấm vào đâu so với tốc độ phát triển chóng mặt của Trung Quốc hiện nay, nếu Chính phủ không có các biện pháp cứng rắn hơn thì Trung Quốc sẽ không thể tránh khỏi việc xuất hiện những “Đô thị chết” mà tiền đầu tư vào thì lại quá lớn.

Từ năm 2011, các thành phố Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Vũ Hán, Hàng Châu, Thẩm Quyển, Trịnh Châu là những thành phố gặp phải những vấn đề ngày càng nghiêm trọng hơn về tắc đường, ô nhiễm, ngập úng, giá nhà lên cao. Những vấn đề đó chỉ là biểu hiện bên ngoài, vấn đề lớn ở đây là sự quản lý, xây dựng, quy hoạch thành phố không khoa học, và sai lầm của Trung Quốc. Nếu như chức năng của thành phố bị xác định sai lệch đi, định vị thành phố không xứng đáng, tất yếu dẫn đến sự phát triển gây lãng phí tài nguyên và lãng phí tiền của, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng cuộc sống của nhân dân, đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế và làm giảm sự thu hút đầu tư cũng như tính cạnh tranh của thành phố so với những địa phương khác.

Những vấn đề ở thành phố lớn gặp phải có phải xuất phát từ chức năng quản lý không?

Chất lượng không khí có liên quan đến hiện tượng tắc đường và lưu thông xe cộ vượt mức, ngập úng trong thành phố có liên quan đến việc xử lý rác thải, như vậy có thể thấy: Vấn đề trước mắt các thành phố lớn cần giải quyết là có quy hoạch đường sá giao thông phù hợp, tiện ích, nâng cao chất lượng hệ thống giao thông công cộng, tàu điện ngầm, quy hoạch các khu công nghiệp ra vùng ngoại ô và xây dựng hệ thống xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn.

Khi các thành phố lớn xuất hiện những vấn đề kể trên, có nghĩa là năng lực quản lý của các nhà lãnh đạo càng phải cao hơn. Thành phố phát triển phải đối mặt với những thách thức

mới, do đó Chính phủ cũng cần có những động thái tích cực hơn trong việc cải thiện hệ thống pháp luật cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển của đất nước, nếu chỉ tập trung vào việc bổ sung quy định thì cũng không đủ, còn cần phải đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có tài, có tình, và có tầm nhìn tốt, vì lợi ích của nhân dân và cộng đồng, bản thân mỗi vị lãnh đạo cần rèn luyện tư chất và kỹ năng quản lý lãnh đạo tốt hơn.

Làm thế nào để trị những “căn bệnh” đang tồn tại ở các thành phố lớn

Để trị được những “căn bệnh” mà hầu hết các thành phố lớn của Trung Quốc đang mắc phải thì cần phải có sự phối hợp giữa Chính phủ và các địa phương, giữa địa phương với nhân dân. Nhà nước dùng pháp luật để quản lý, giám sát, chính quyền địa phương dùng quy định để kiểm soát, nhân dân đóng góp ý kiến và tham gia vào mọi hoạt động cải cách, phát triển, đổi mới, quy hoạch nơi mình sinh sống. Hiện nay, ở hầu hết các thành phố lớn đều có mạng lưới thông tin mở rộng, người dân đều có thể truy cập vào website của chính quyền, trực tiếp đóng góp ý kiến và thắc mắc về những hoạt

động của chính quyền địa phương, đặc biệt là trong công tác quy hoạch, mở rộng và xây dựng thành phố. Điều này thực sự mang lại hiệu quả quản lý cho các nhà lãnh đạo. Thực tế tại các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, Trùng Khánh... đã chứng minh khi người dân được nâng cao ý thức với chính nơi mình sinh sống, với môi trường thì việc phối hợp trong công tác quản lý với chính quyền địa phương đem lại hiệu quả khá cao, và cũng thể hiện sự minh bạch trong công tác quản lý của chính quyền các cấp.

Đúng từ góc độ đổi mới trong quan điểm quản lý xã hội để thấy, một tổ chức xã hội hợp pháp có thể đứng ở vị trí là bên thứ 3 tham gia vào công tác quản lý đô thị, tổ chức này sẽ chủ động hơn trong hoạt động của mình, tích cực đóng góp ý kiến và giám sát xã hội đối với các hoạt động của chính quyền địa phương, điều này sẽ giúp cho Chính phủ đỡ thất thoát và lãng phí một lượng ngân sách đáng kể.

Hứa Hiểu Thanh, Phó Dũng Đào

Nguồn: <http://www.chinajs.com>

ND: Quỳnh Anh

Triển vọng của thị trường nhà cho thuê tại Nga

Chương trình Quốc gia mới "Bảo đảm nhà và các dịch vụ chất lượng cho mọi công dân Nga" giai đoạn 2013 - 2020 đã nhận được sự đồng thuận của Chính phủ Liên bang. Chương trình do Bộ Phát triển vùng Liên bang Nga kết hợp với Ủy ban tín dụng thế chấp mua nhà ở phối hợp biên soạn theo sắc lệnh của Tổng thống Nga ngày 7/5/2012. Bộ trưởng Bộ Phát triển vùng Liên bang Nga - ông I.Sliunhiaev có sáng kiến: Từ ngày 01/02/2013, sẽ thành lập tại các vùng Liên bang những tổ công tác về vấn đề xây dựng một thị trường nhà xã hội cho thuê, đồng thời phát triển quỹ nhà ở phi thương mại dành cho các công dân có mức thu nhập thấp.

Theo chương trình này, trong vòng 5 năm, Chính phủ Nga có kế hoạch xây 25 triệu m²

sàn nhà ở với mức giá hợp lý cho 360 nghìn hộ gia đình có từ 3 người (vợ chồng và 1 con), điều kiện là cặp vợ chồng trong độ tuổi từ 25 - 40, có công việc thường xuyên, có hộ khẩu thường trú tại nơi cư ngụ, tổng thu nhập đạt 36 - 44 nghìn rúp/tháng (tương đương 1200 -1400 USD) và có khả năng trả khoản ban đầu tối thiểu 10% giá trị căn hộ được mua theo hình thức thế chấp. Giá cả dành cho các đối tượng này sẽ được ấn định ở mức 30 nghìn rúp/m². Các nhà làm luật đề xuất mức giá đó căn cứ vào một số điểm: không mất tiền đất, không mất tiền kết nối mạng (đối với các dịch vụ công cộng như điện, nước, hạ tầng thông tin liên lạc...), tín dụng ngân hàng dành cho xây dựng và thiết lập cơ sở cho các dự án nhà ở theo hình thức tiết kiệm.

Chương trình được chia làm nhiều giai đoạn. Trong năm 2013, khoảng 20 dự án thí điểm sẽ được khởi động tại vùng Moskva, Astrakhan, Vladimir, Omsk, Nhizhniy Novgorod. Từ năm 2014 - 2017, việc xây dựng sẽ được tiến hành trên các khu đất đã có sự chuẩn bị kỹ thuật. Các chuyên gia nhận định: Tại Nga, trung bình mỗi hộ gia đình cần 69 m² diện tích sàn nhà ở. Với mức giá 30 nghìn rúp/m²; mỗi căn hộ theo tiêu chuẩn bình quân có giá 2,07 triệu rúp. Nếu khoản đặt cọc ban đầu là 10% - có nghĩa là tín dụng phải bảo đảm 1,86 triệu rúp; và mức thế chấp đối với khoản tín dụng như vậy sẽ là một con số không nhỏ đối với những hộ gia đình có thu nhập trung bình thậm chí đạt 44 nghìn rúp/tháng. Cũng theo nhận định của các chuyên gia: Ít có khả năng ngân hàng đưa ra khoản tín dụng thế chấp như vậy. Với điều kiện hiện nay, một gia đình cần chi khoảng 20 nghìn rúp cho dịch vụ tín dụng. Nhưng các ngân hàng có điều kiện của mình: có thể cho vay nếu thuế suất được hỗ trợ một phần. Trong trường hợp ngược lại, chương trình quốc gia về nhà ở có mức giá hợp lý có thể chỉ hoạt động với điều kiện thế chấp không mất phí. Đối với khoản tín dụng xây dựng 5 triệu m² sàn nhà ở hàng năm, mỗi năm cũng cần 120 - 135 tỷ rúp để thế chấp.

Một số chuyên gia khẳng định: Việc giá nhà giảm đi 20% khiến thế chấp đạt mức tiêu chuẩn, và sản phẩm thế chấp tương ứng sẽ phù hợp hơn đối với nhu cầu của hơn 1 triệu chủ hộ gia đình.

Thực tế đã chứng minh: Thế chấp không phải là biện pháp duy nhất để có thể tiếp cận nhà xã hội, nhà có mức giá hợp lý. Nhiều nước trên thế giới đã có tiêu chuẩn xây dựng nhà cho thuê, tức là đưa các căn hộ đến người tiêu dùng với giá cả chấp nhận được. Các căn hộ cho thuê được xây dựng bằng vốn ngân sách và vốn ngoài ngân sách, và thuê các căn hộ như vậy tất nhiên rẻ hơn nhiều so với việc thuê nhà từ những cá nhân cho thuê. Hơn nữa, cơ chế này cho phép người đi thuê tích lũy vốn theo khả

năng của mình để có thể sở hữu căn hộ riêng.

Dưới thời Xô viết, đại bộ phận người dân được cấp không các căn hộ theo các hợp đồng thuê nhà xã hội. Hiện nay, theo các hợp đồng thuê nhà xã hội, nhà ở thuộc quỹ nhà quốc gia và quỹ nhà công cộng sẽ dành cho các công dân có hộ khẩu thường trú tại nơi cư trú, có nhu cầu cải thiện điều kiện ở. Đó là điều kiện chung. Bên cạnh đó, các trẻ mồ côi, cựu chiến binh, những người đã đăng ký nhu cầu cải thiện chỗ ở, các hộ gia đình tái định cư cũng nằm trong diện được nhận nhà. Trong vài năm gần đây, Chính phủ Nga đã nhiều lần tuyên bố cần phải xây nhà phi thương mại dành cho các đối tượng thuê là những người không thể mua một căn hộ hay một ngôi nhà trên thị trường tự do. Mức thuê cần phải đạt tối thiểu. Chính quyền tại các chủ thể của Liên bang đã đề xuất những nhà cho thuê với giá ưu đãi. Có thể lấy ví dụ: Luật đô thị của Sant Peterburg (Nga) có hiệu lực từ ngày 01/7/2011. Tới thời điểm đó, theo các số liệu thống kê của chính quyền thành phố, giá thuê căn hộ một phòng trung bình là 4.620 rúp, căn hộ hai phòng - 6.380 rúp; căn hộ ba phòng - 8.690 rúp, người đi thuê tự chi trả cho các dịch vụ công.

Tháng 9/2012, Chính phủ Nga đã phê duyệt sơ đồ hình thành thị trường nhà cho thuê (do Bộ Phát triển vùng nghiên cứu và đề xuất) có mức giá hợp lý, và xây dựng quỹ nhà ở phi thương mại cho thuê dành cho các đối tượng ít phúc lợi xã hội. Một số quy định trong văn bản này đã được đưa vào luật "Về việc đưa các sửa đổi vào phần một và hai của Luật Thuế Liên bang Nga và các văn bản luật riêng của Liên bang Nga". Luật nói trên có hiệu lực từ 01/01/2013. Ngoài ra, những sửa đổi bổ sung đối với Luật công dân và Luật nhà ở - các luật bảo đảm quyền của người thuê và người cho thuê cũng sẽ được xem xét. Duma quốc gia Nga đã biên soạn dự thảo luật hướng tới việc hình thành thị trường nhà cho thuê. Theo các nhà làm luật, nước Nga sẽ có nhu cầu lớn về loại hình nhà này, bởi vì

thu nhập của 70% công dân Nga không cho phép họ sở hữu một nơi ở riêng, cho dù đã sử dụng tín dụng thế chấp.

Các chuyên gia đánh giá: Đến năm 2015, 7% nhà được xây sẽ là nhà cho thuê, và phân khúc này của thị trường sẽ đạt doanh số 320 tỷ rúp. Mục đích chính của dự thảo luật là đưa vào Luật nhà ở một loại hình nhà mới - nhà chung cư cho thuê; đồng thời đưa khái niệm thuê nhà phi thương mại vào thực tiễn. Điều này sẽ là cơ sở cho bước đi đầu tiên tiếp cận việc hình thành thị trường nhà cho thuê dành cho những người có mức thu nhập thấp và trung bình của Nga.

Dự thảo cũng đề xuất: hình thức thuê nhà phi thương mại sẽ thay thế cơ chế bảo đảm nhà ở cho người dân Nga dưới dạng thuê xã hội. Việc mua và sở hữu nhà cho thuê sẽ bị nghiêm cấm. Tất cả các căn hộ trong các nhà cho thuê sẽ thuộc chủ sở hữu duy nhất; nhà cho thuê theo một hình thức hợp đồng, và nằm trong sự điều hành của những tổ chức quản lý chuyên nghiệp. Hợp đồng thuê phi thương mại phải được ký kết với thời hạn từ 3 - 10 năm. Mức chi trả cho những hợp đồng như vậy gồm chi phí cho trang bị tiện nghi bên trong, chi phí sửa chữa cơ bản và chi phí dịch vụ công cộng. Quyền ưu tiên thuê nhà cần được dành cho các công dân có nhu cầu cải thiện chỗ ở và đã đăng ký trước ngày 01/3/2005, bởi vì cơ hội có một chỗ ở không mất tiền đối với họ trong tương lai vô cùng ít ỏi.

Chương trình nhà cho thuê dự kiến sẽ được đưa vào thực hiện từ năm 2013, đồng thời với

việc chấm dứt cơ chế sở hữu nhà ở không mất tiền. Ủy ban tín dụng thế chấp mua nhà sẽ dành những khoản tín dụng ưu đãi cho các nhà xây dựng phi thương mại (không phải mục đích kinh doanh) trong việc xây dựng và mua căn hộ hoàn thiện để cho thuê lại, dưới sự bảo trợ của Nhà nước.

Vấn đề nhà cho thuê đòi hỏi một biện pháp tiếp cận toàn diện và có hệ thống. Chính vì thế, Bộ trưởng Bộ Phát triển vùng I. Sliunhiaev đã giao cho những người có trách nhiệm hệ thống hóa và tổng hợp các kinh nghiệm được tích lũy từ các chủ thể của Liên bang. Với mục đích này, cần xúc tiến việc thành lập tổ công tác nhằm nghiên cứu tổng hợp các giải pháp cũng như đề ra đường lối cụ thể để thực hiện nhiệm vụ. Thành phần tổ công tác gồm đại diện các cơ quan hành pháp nhà nước của các chủ thể Liên bang; các cơ quan tự quản cấp vùng và thành phố; các ngân hàng và các nhà xây dựng. Trên cơ sở kinh nghiệm của từng vùng, cũng như các kiến nghị, đề xuất của các ban, một bản báo cáo về nghiên cứu các biện pháp tổng thể đối với sự phát triển thị trường nhà có mức giá hợp lý cho thuê sẽ được tổng hợp, làm cơ sở cho những bước tiếp theo để hiện thực chương trình Quốc gia mới.

V.Zhuravlev

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 3

(18/1/2013)

ND: Lê Minh

Cách tiếp cận tổng hợp về an toàn là cơ sở về khoa học và phương pháp luận cho việc chuẩn hóa công tác thiết kế trong xây dựng

Trong bối cảnh VLXD, các phương pháp xây dựng và kết cấu ngày càng đa dạng, phong phú, ngày càng nhiều các công trình độc đáo được triển khai xây dựng, kinh nghiệm sản xuất

và xây dựng lại ít ỏi hoặc thiếu vắng trong khi đó khoa học hiện đại về an toàn cuộc sống đã tích lũy được một khối lượng lớn thông tin, khiến nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho các công trình

lớn, phức tạp trong suốt thời gian sử dụng của các công trình đó trở nên đặc biệt khó khăn, đòi hỏi phải có một phương pháp tiếp cận tổng hợp.

Cùng với quá trình nghiên cứu và hệ thống hóa về mặt lý luận trong lĩnh vực an toàn xây dựng, một lý thuyết chung đảm bảo an toàn xây dựng trên cơ sở vận dụng quan điểm “An toàn xây dựng tổng hợp” (sau đây viết là ATXDTH) do Trường đại học xây dựng quốc gia Moskva LB Nga (sau đây viết là ĐHXDQG Moskva) đề xuất đã được hình thành, phát triển và trưởng thành.

Những đặc điểm về phương pháp luận của quan điểm an toàn tổng hợp

Đặc điểm cơ bản của việc xây dựng quan điểm ATXDTH là đối với mỗi một khái niệm về một dạng an toàn nào đó đều kèm theo một khái niệm tương ứng về “không an toàn”.

Các khái niệm “không an toàn tổng hợp” và “an toàn tổng hợp” xét về tất cả nội dung và ý tưởng đều là những khái niệm chung “cùng loại” đối với một số lượng lớn (khoảng 15 loại) các khái niệm có ý nghĩa hẹp hơn trong lĩnh vực của từng dạng “không an toàn” và các biện pháp an toàn trong lĩnh vực hoạt động của con người.

Sự không an toàn tổng hợp - Đây là sự đe dọa gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và cuộc sống con người, đối với các đối tượng khác của sinh quyển kể cả việc gây thiệt hại cho các đối tượng của lĩnh vực kỹ thuật do sự xuất hiện và phát triển của từng dạng không an toàn và các tác động kết hợp đặc biệt.

Sự an toàn tổng hợp - Đây là tình trạng của đối tượng trong đó hệ thống các biện pháp ngăn ngừa và bảo vệ đối với mỗi một trong số các dạng tác động gây mất an toàn có thể xảy ra và các biện pháp về mặt tổ chức - kỹ thuật đều phù hợp với các yêu cầu nêu tại các văn bản pháp quy (trong đó đã xem xét đến các đặc điểm mang tính kết hợp có thể có đối với các tác động gây mất an toàn).

ATXDTH cần phải được xem như một trong các tiêu chí chính đánh giá chất lượng xây dựng và được xếp ngang hàng với các tiêu chí về hệ

thống như cấu trúc và tính tổ chức. Xét về mặt phương pháp luận nên xem xét khái niệm ATXDTH khi áp dụng cho hoạt động xây dựng với một số điều kiện sau: ATTH cho hoạt động xây dựng; ATTH cho công trình xây dựng và ATTH cho nhà hoặc công trình.

Khả năng tính đến các điều kiện mới về sự không an toàn và các điều kiện được xem là nguy cơ đối với công trình xây dựng

Một ưu điểm quan trọng của lý thuyết ATXDTH là khả năng lồng ghép các dạng không an toàn mới và các nguy cơ mới đối với công trình xây dựng.

Một trong các dạng không an toàn nêu trên là sự sập đổ tiến triển của công trình xây dựng mà được xem như một loại tình trạng khẩn cấp nghiêm trọng nhất gây thiệt hại về tính mạng con người và thiệt hại lớn về vật chất.

Các nghiên cứu đã được tiến hành cho thấy thông thường có hai cách tiếp cận được áp dụng cho việc chuẩn hóa và thiết kế bảo vệ công trình chống sự sập đổ tiến triển là:

- Không để công trình bị sập đổ tiến triển nhờ áp dụng tình huống thiết kế phòng tránh sự cố;
- Bảo đảm cho công trình có khả năng chống đỡ khi xảy ra tình huống khẩn cấp đã được tính đến trong thiết kế trong khoảng thời gian nhất định trước khi diễn ra sự sập đổ.

Việc áp dụng cách này hay cách khác trong quá trình thiết kế chủ yếu phụ thuộc vào tình huống khẩn cấp đã được dự tính trong thiết kế.

Một vấn đề đặc biệt cấp thiết là phải đánh giá sự bền vững của công trình trước nguy cơ xảy ra sập đổ tiến triển trong quá trình thiết kế bảo vệ các công trình độc đáo đối với trường hợp xuất hiện các tác động có tác dụng kết hợp đặc biệt với sự xuất hiện hỏa hoạn kể cả khi có xảy ra khủng bố.

An toàn lao động (bảo hộ lao động) - một yếu tố cần thiết đối với ATXDTH

Hiện nay việc cải tiến công tác quản lý kỹ thuật đang được triển khai tại nước Nga nhằm khắc phục tình trạng nóng vội. Tuy nhiên công

việc cải tiến nêu trên còn có những thiếu sót về hệ thống như việc xác định vị trí và vai trò của công tác an toàn lao động trong hệ thống các biện pháp nói chung nhằm bảo đảm an toàn cuộc sống. Trong khi đó an toàn lao động là một trong các yếu tố quan trọng nhất của hệ thống ATXDTH.

Do vậy, hệ thống các cặp đôi khái niệm mang đặc tính đối lập mà được sử dụng làm cơ sở cho việc xây dựng quan điểm ATXDTH cần phải được bổ sung thêm cặp đôi khái niệm về an toàn sản xuất.

Kinh nghiệm mới từ việc áp dụng cách tiếp cận hệ thống vào việc bảo đảm an toàn công trình xây dựng cho phép ĐHXDQG Mátxcova dựa trên quan điểm ATXDTH để lập kế hoạch nghiên cứu xây dựng về nguyên tắc các chương trình giảng dạy mới cho bộ môn “An toàn sự sống”, “An toàn lao động” và các bộ môn khác.

Nhà trường đang triển khai thành lập Trung tâm đào tạo - nghiên cứu khoa học “An toàn sản xuất” với sự tham gia của các chuyên gia và các nhà khoa học thuộc bộ môn “Quản lý kỹ thuật và an toàn chống cháy”.

Nhiệm vụ của Trung tâm là nghiên cứu khoa học, biên soạn tài liệu học tập và phương pháp thực tế trong lĩnh vực ATXDTH.

Cơ sở khoa học - phương pháp luận cho việc chuẩn hóa và thiết kế trong xây dựng

Cơ sở để soạn thảo hệ thống các văn bản quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy phạm điều chỉnh hoạt động an toàn cho nhà và công trình cần phải được xây dựng trên cơ sở cách tiếp cận hệ thống kết hợp với việc áp dụng khái niệm “ATTH” cho từng công trình.

Việc áp dụng nguyên tắc về hai phân hệ thể hiện cho các dạng an toàn và không an toàn của nhà và công trình, khả năng tính đến các mối đe dọa an toàn và không an toàn mới kể cả đặc tính kết hợp của các dạng tác động đó là ưu điểm của cách tiếp cận nêu trên.

Một vấn đề có tính nguyên tắc khác đó là sự thể hiện trong các tiêu chuẩn quan điểm về các

mức ATTH của công trình xây dựng.

Các văn bản hướng dẫn kỹ thuật về an toàn nhà và công trình của LB Nga và các quốc gia thuộc Cộng đồng kinh tế Á - Âu trên thực tế đã và đang được áp dụng để quản lý việc bảo đảm ATTH cho nhà và công trình.

Do vậy, căn cứ cho việc soạn thảo các văn bản nêu trên cần phải là cách tiếp cận hệ thống với việc áp dụng các khái niệm ATTH công trình và sau đó đòi hỏi phải bổ sung hệ thống các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực an toàn mà cho đến nay đã được thiết lập bởi hệ thống pháp luật của LB Nga và các quốc gia thuộc Cộng đồng kinh tế Á - Âu, dưới hình thức các thuật ngữ liên quan đến việc bảo đảm ATTH cùng với các định nghĩa kèm theo. Trong đó phải kể đến các khái niệm mới đã được chuẩn xác hóa như “sự không an toàn tổng hợp”, “sự an toàn tổng hợp”, “sự tác động kết hợp đặc biệt” và “an toàn trong điều kiện có sự tác động kết hợp đặc biệt”.

Kết luận

Tiềm năng mới của lý thuyết về ATXDTH được xác định bởi khả năng áp dụng lý thuyết này như một cơ sở khoa học - phương pháp luận cho việc chuẩn hóa và thiết kế xây dựng.

Việc áp dụng các nội dung nêu trong lý thuyết ATXDTH sẽ tạo điều kiện để các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các biện pháp nhằm bảo đảm sự an toàn cho nhà và công trình ngày càng sâu sát hơn với thực tế hiện đại.

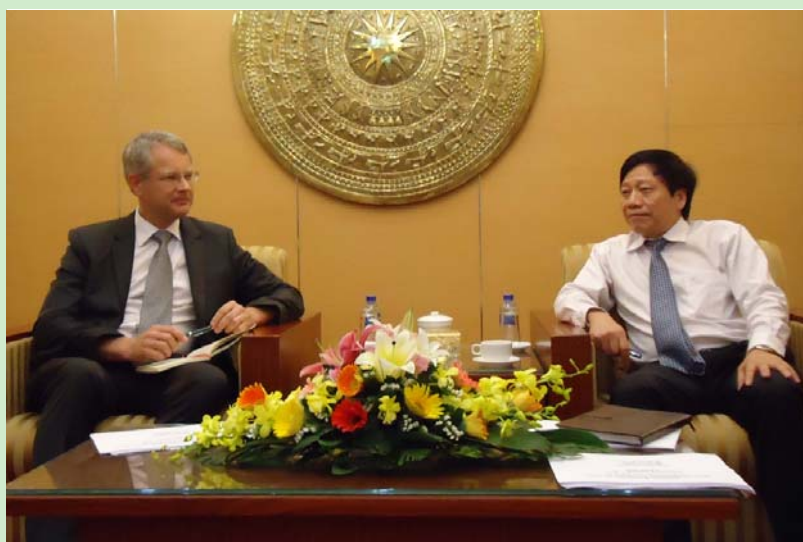
Valeryi Ivanovitr Telitrenko

Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp và dân dụng, số 9/2012

ND: Huỳnh Phước

THỨ TRƯỞNG CAO LẠI QUANG TIẾP NGÀI KIMMO LAHDEVIRTA ĐẠI SỨ PHẦN LAN TẠI VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2013



Thư trưởng Cao Lại Quang và Đại sứ Phần Lan Kimmo Lahdevirta



Thư trưởng Cao Lại Quang và Đại sứ Kimmo Lahdevirta chụp ảnh lưu niệm với đoàn chuyên gia Phần Lan